Trên đường từ Lũng Vài về đồn Phố Ràng phải qua Cốc Lụ. Tối ấy, đại đội ngủ lại một bản người Tày ở Cốc Lụ. Bộ đội đi đường xa, mệt mỏi, nên ăn cơm xong là lên nhà sàn ngủ ngay. Ông chủ nhà và mọi người trong gia đình không biết tiếng Kinh, nên Đại đội trưởng cũng không có cách gì nói chuyện với gia đình. Đại đội trưởng và chủ nhà ngồi quanh bếp chuyền nhau cây điếu và mời nhau uống nước. Họ nhìn nhau rất thiện cảm, nhưng không nói chuyện được. Lúc sau Đại đội trưởng nói với tôi đi ngủ và anh lễ phép chào chủ nhà: "Bay nòn ạ!" - Bay nòn, tiếng Tày là đi ngủ. Có lẽ Đại đội trưởng cũng chỉ biết vài câu tiếng Tày đơn giản thế thôi.

Chủ nhà vui vẻ gật đầu, chỉ cho Đại đội trưởng và tôi chỗ ngủ. Đại đội trưởng được chủ nhà biệt đãi cho đệm, gối và một chiếc vỏ chăn. Tôi được Đại đội trưởng kéo vào ngủ chung.

Trước lúc đi ngủ, Đại đội trưởng cầm thanh đóm ngâm đốt cháy, soi xem chiến sỹ của mình ngủ thế nào. Trên nhà sàn, dát nứa thưa huếch hoác, nên mặc dù đã là tháng sáu, nhưng gió từ núi đá lùa vào vẫn còn lành lạnh. Bộ đội nằm co quắp lấy nhau.

Đại đội trưởng đứng im một lúc, anh quan sát khắp nhà. Bỗng anh thấy góc nhà có một cái cót, bên cạnh đó có một cô gái Tày đang ngồi dệt vải. Anh đến gần nói nhỏ bằng một câu lẫn lộn cả tiếng Tày và tiếng Kinh: "Noọng ơi! Cho anh mượn cái cót để nòn".

Đại đội trưởng nói xong, cô gái tái mặt, tròn mắt nhìn Đại đội trưởng. Đại đội trưởng không hiểu, nên anh vẫn đứng yên gật đầu. Cô gái thấy vậy hốt hoảng chạy đến chỗ bố mình, nói một tràng bằng tiếng Tày, rồi ôm mặt khóc. Ông chủ nhà không nói câu gì, đốt đóm xuống cầu thang đi ra ngoài.

Đại đội trưởng và tôi không hiểu gì cả, anh đứng ngây người một lúc rồi kéo tôi đi ngủ. Lúc sau, có một liên lạc đến nhà gọi Đại đội trưởng. Anh liên lạc truyền lệnh bằng một giọng đanh, gọn: "Tiểu đoàn trưởng mời đồng chí đến nhà chỉ huy".

Nghe giọng nói của người liên lạc, tôi biết chắc là có sự việc quan trọng. Đại đội trưởng vùng dậy đi ngay. Tới nơi, đã thấy ông chủ nhà ngồi đấy, trên mặt ông vẫn còn vương vấn nét bực bội lắm.

Tiểu đoàn trưởng nghiêm nét mặt thuyết cho Đại đội trưởng một thôi. Cuối cùng Tiểu đoàn trưởng chốt lại:

- Ngay bây giờ, đồng chí phải xin lỗi ông chủ nhà đây và cô con gái ông. Sáng mai đồng chí bàn giao chỉ huy đại đội cho Đại đội phó. Còn đồng chí nghỉ để viết kiểm điểm.

Đại đội trưởng hết nhìn Tiểu đoàn trưởng, lại nhìn chủ nhà ngơ ngác. Mặt anh ngây thuỗn ra. Tôi nhìn anh thương quá. Tôi nghĩ: Kỷ luật của bộ đội là không được lấy một cái kim, sợi chỉ của dân - Đại đội trưởng mượn một cái cót để nằm chắc là vi phạm chăng?

Đại đội trưởng phân trần:

- Tôi chỉ mượn cái cót để trải xuống dưới cho bộ đội nằm, cho khỏi bị gió lùa.

Nhưng nói thế nào, Tiểu đoàn trưởng cũng không nghe. Anh còn nghiêm giọng:

- Hành động của đồng chí là vi phạm đạo đức- đòi ngủ với con gái chủ nhà, thật là quá đáng!...

Đại đội trưởng càng ngơ ngác, anh quay sang ông chủ nhà lễ phép nói với ông:

- Dạ! Con chỉ mượn cái cót để cho bộ đội nằm thôi ạ! Dạ! Con không có ý xấu đâu ạ!...

Thật là vô tác dụng, ông chủ nhà càng bực. Ông gay gắt nói với Đại đội trưởng bằng một tràng tiếng Tày. Không ai biết ông nói gì, nhưng nhìn nét mặt, cử chỉ của ông thì biết rằng ông rất bực tức.

Có lẽ thấy đêm khuya mà lại ồn ào, nên một số người ở nhà bên cạnh cũng sang. Trong số đó có một ông cán bộ người Tày. Nghe rõ đầu đuôi câu chuyện, ông ngửa người cười khà khà nói: "Trời ơi! Không có gì đâu. Đấy chỉ là cái tội của ngôn ngữ bất đồng thôi: Noọng ơi! Cho anh mượn cái cót để nòn; tức là: Em ơi cho anh mượn cái cót để ngủ; nhưng tiếng Tày lại khác: Noọng là em, cái là kề, cót là ôm, nòn là ngủ; nghĩa là: Em ơi, cho anh nằm kề ôm ngủ".

Ông quay lại giải thích với ông chủ nhà người Tày. Ông chủ nhà người Tày nghe ra, chạy lại nắm tay anh Đại đội trưởng, hai người ôm chầm lấy nhau. Tất cả mọi người đều vui vẻ. Đại đội trưởng nói vui: "Thật là một đêm kinh hoàng đáng yêu!"

Ngày 24 và 25 tháng 6 năm 1949, bộ đội ta tấn công đồn Phố Ràng. Đồn nằm trên một quả đồi độc lập, một bên

giáp với sông Chảy, một bên giáp với ngòi Sậy, sườn đồi vách dựng đứng, đá lởm chởm. Trên đỉnh đồi là một lô cốt được xây bằng đá, có hệ thống công sự bao quanh. Dưới lô cốt là hệ thống hầm ngầm, có cửa thông ra nhiều phía. Mỗi cửa hầm lại được xây thành những lỗ châu mai, trong đặt súng máy, khống chế được cả một vùng rộng lớn ở thung lũng Phố Ràng. Xung quanh đồn được rào bằng tre gai nhiều tầng, có treo ống bơ và gài mìn. Dưới chân đồi là nhà ở của lính dõng và vợ con binh lính. Bọn lính Pháp ở trên đỉnh đồi.

Pháo của ta, được bố trí trên các quả đồi gần đồn nhất. Ngay loạt đạn đầu, các nhà gianh trên đồi đều cháy trụi hết. Bọn địch có súng A.T, Moóc-chi-ê, các cửa hầm ngầm lại có súng máy bắn ra dữ dội, nên các đơn vị xung kích bò lên, bị thương vong rất nhiều. Cái khó nhất cho ta là xung quanh chân đồi đều là nhà ở của vợ con binh lính, bọn địch nấp ở đó để kháng cự. Nguy hiểm hơn là thấp thoáng trong đó, thấy bóng phụ nữ người Mán cầm lựu đạn ném ra ngoài. Bộ đội ta phải đột nhập vào bắt sống chúng và giải thoát những người dân khác. Tôi nhập vào đoàn cứu thương, để chuyển thương binh ra ngoài. Sang ngày hôm sau, bọn địch gọi máy bay chi viện, nhưng địa hình ở đây rất phức tạp, lại có sương mù nên chúng chỉ bay trên trời cao rồi bỏ đi. Trung đội xung kích phải dùng Ba- dô- ca bắn vào các cửa hầm cố thủ. Pháo của ta lại tiếp tục bắn, toàn bộ nhà trên đỉnh bị sập. Ta và địch chỉ cách nhau một vài mô đá. Có lúc quân ta đứng trên mặt đất, quân địch lục

đục ở dưới hầm. Quân ta tiến dần từng bước, chiếm từng mỏm đá. Đến đêm ngày hai mươi nhăm, thì quân ta gần như làm chủ trận địa. Khi quân ta tiến lên đến gần đỉnh đồi, thì trung đội xung kích đã hy sinh gần hết. Anh Bính-Trung đội trưởng xung kích cũng bị hy sinh. Khi đưa anh lên cáng, thì người anh đã cứng và lạnh ngắt. Đoàn cứu thương của dân đi sau, nhưng mắt tôi vẫn hướng về người Đại đội trưởng. Anh cầm thanh kiếm Nhật, tả xung hữu đột, như một vị tướng ngày xưa ra trận. Có lệnh từ dưới truyền lên: "Phải bắt sống tên quan Ba Pháp... Không được bắn chết"... Tôi thấy Đại đội trưởng nhảy phốc lên nóc hầm. Có một tên Pháp lách qua một ngách. Nhanh như cắt, Đại đội trưởng vung thanh kiếm chém mạnh làm sả một cánh tay của nó. Anh hô lớn: "Tên, quan, Ba, đây rồi!"... Bất ngờ hoả lực của địch từ cửa hầm bên cạnh bắn ra như vãi thóc. Bộ đội, du kích, cứu thương nằm rạp xuống đất. Mãi gần một giờ sau, bộ đội ta mới diệt được hoả lực của địch. Cửa hầm bật ra, một thằng Tây đen chết gục đè lên khẩu trung liên, chân nó còn bị xích vào ụ súng. Bộ đội ta tiếp tục truy kích. Thừa lúc hoả lực của địch bắn mạnh, tên quan Ba cùng bọn lính sống sót vượt qua sông Chảy, cắt đường rút về đồn Nghĩa Đô.

Sau trận đánh, nhân dân cùng bộ đội thu dọn chiến trường. Bộ đội ta thu được hàng trăm khẩu súng. Xác địch trong các hầm ngầm đã bốc mùi thối rữa. Quân ta cũng bị hy sinh mất ba mươi sáu người. Một số dân quân, du kích cũng bị thương. Ông Quan cũng bị thương trong trận đánh

ấy. Tôi đến lán cứu thương thăm thì ông đã được chuyển xuôi về Lục Yên rồi.

Đồn Phố Ràng bị tiêu diệt, cả một vùng thượng huyện Lục Yên rộng hơn hai trăm ki- lô- mét vuông được hoàn toàn giải phóng. Cán bộ Việt Minh từ Lục Yên châu lên Lũng Vài không còn phải đi đêm, không còn phải đi tránh đồn Phố Ràng nữa. Ở Lũng Vài cũng có cán bộ Việt Minh về xây dựng phong trào. Có cả cán bộ bình dân học vụ về xoá mù chữ cho bà con. Tôi cũng được mời tham gia làm giáo viên bình dân học vụ. Lớp của tôi có cả anh Vằng và anh Quáng. Một thời gian sau, hai anh cũng biết đọc, biết viết. Tôi nhớ lại câu vè hồi còn ở Hà Nội, khi nghe bác tôi dạy chị tôi : *O tròn như quả trứng gà*...Tôi đem ra dạy ở lớp bình dân, mọi người học thuộc, nên nhớ rất nhanh.

Uỷ ban Kháng chiến Lũng Vài được thành lập. Ông Lý Phúc Đoàn được cử giữ chức Chủ tịch Uỷ ban. Tôi biết chữ, nên được giao làm thư ký. Vì ông Đoàn đã trên năm mươi tuổi, nên ông học rất khó. Giáo viên bình dân dạy mãi, ông cũng chỉ biết có một chữ ký thôi. Bảo ông ký giấy tờ, lẽ ra phải ký chữ "Đoàn" thì ông lại viết chữ "ký". Mọi công việc cần báo cáo, ông đều viết bằng chữ nho, sau đó tôi lại dịch ra chữ Quốc ngữ. Mỗi lần về Lục Yên họp, ông đưa tôi đi theo để giúp ông ghi chép và báo cáo tình hình của Lũng Vài.

Tôi được làm thư ký Uỷ ban Kháng chiến Lũng Vài, cái chính là do tôi biết chữ, thực ra còn nhiều người vẫn nghi ngại tôi. Họ nghi tôi làm thông ngôn cho Pháp, đi với

bố con thằng Chưởng, nên dù sao cũng ăn cơm của nó rồi. Họ bảo: "Con chó ăn cơm của người khác còn biết vẫy đuôi, huống hồ là con người". Tôi giúp việc đắc lực cho ông Đoàn, nhưng nhiều cái ông Đoàn không nói với tôi. Tôi biết, nhưng vẫn im lặng. Tất cả những việc tôi làm ở Lũng Vài này, bây giờ chỉ còn mình ông Quan biết. Mình tự nói ra ai tin, ngay cả chuyện tham gia xử tử thằng Lượng, tôi tâm niệm, nếu còn sống ở Lũng Vài này, đến chết tôi cũng không dám nói- họ Bàn mà biết thì nhất định tôi sẽ bị trả thù. Tôi mong ông Quan sớm bình phục vết thương, để ông còn về với Lũng Vài. Ông Quan mà về Lũng Vài làm cán bộ, thì dù không ai biết việc tôi làm, tôi cũng rất thanh thản.

Thế rồi cái ngày tôi mong chờ ông Quan về đã đến. Một hôm, vào giữa buổi chiều, ông Quan về qua nhà tôi. Đi cùng ông có hai cán bộ Việt Minh. Ông Quan vào nhà, nhìn tôi vui vẻ nói :

- Bác được về Lũng Vài rồi. Về để xây dựng cơ sở Đảng, xây dựng chính quyền...

Tôi mừng quá- ông Quan về, mọi người nhìn nhận tôi sẽ khác. Nhất định tôi còn giúp ông được nhiều việc hơn. Có lẽ do mừng quá, tôi cầm tay ông nắm chặt, không biết nói gì nữa. Lúc sau, ông Quan lại nói:

- Tối nay, bác cháu mình có trách nhiệm dẫn hai đồng chí cán bộ này, cắt đường đi vòng qua đồn Phố Lu, để các đồng chí qua sông lên Lào Cai. Xong việc, bác sẽ ở lại Lũng Vài luôn.

Nghe ông Quan nói vậy, tôi mừng quýnh lên, vội đi lấy gạo nấu cơm. Hôm ấy, nhà tôi và khách ăn cơm từ lúc còn sớm. Đây là ngoại lệ, vì người Mán bao giờ cũng phải chín, mười giờ đêm mới ăn cơm tối. Tôi nắm hai nắm cơm, đưa cho mỗi người cán bộ một nắm.

Lúc lên đường, ông Quan đưa cho tôi một chiếc mũ vải trắng. Ông dặn:

- Cháu đi trước phải quan sát, nghe ngóng kỹ, hễ thấy động thì bỏ mũ xuống.

Tôi đã nhiều lần cùng ông Nguyên, ông Quan dẫn cán bộ qua Lũng Vài, nhưng chưa thấy lần nào phải chuẩn bị kỹ như lần này. Tôi nghĩ: Chắc đây phải là hai cán bộ quan trọng lắm! Biết vậy, tôi không hỏi lại, chỉ lẳng lặng làm theo lời ông dặn.

Khoảng tám giờ tối đoàn lên đường. Lần này dẫn đường cho cán bộ, tôi không còn run sợ như những lần trước nữa. Lũng Vài là vùng giải phóng, đến giáp đất Phố Lu mới là vùng địch. Đến bờ sông sẽ có liên lạc về đón. Xong việc này, tôi và ông Quan sẽ trở lại Lũng Vài. Ngày mai, tôi sẽ theo ông đến các bản của Lũng Vài làm việc, không còn bị mang cái tiếng là làm việc cho giặc nữa. Nghĩ vậy nên tôi càng hăm hở hơn.

Ở Lũng Vài này, bọn thằng Chưởng rất sợ ông Quan. Chúng gọi ông là Hùm xám. Chúng treo thưởng cái đầu của ông bằng năm tạ muối. Còn dân Lũng Vài thì mong ngóng ông sớm quay trở lại. Được theo chân một con

"Hùm xám" như thế này, thì quả là một vinh dự lớn đối với tôi.

Bọn thằng Chưởng gọi ông là "Hùm xám" vì chúng sợ ông như sợ một con hùm. Còn tôi, tôi thực sự coi ông mạnh mẽ như một con hùm xám thật. Người Mán ở đây, người nào cũng gầy gò, nhỏ bé, còn ông Quan lại cao to lừng lững. Ông mặc bộ quần áo chàm, đi trong đêm trông lù lù như một con gấu đứng. Ông đi nhanh, nhưng nhẹ nhàng như lướt trên mặt đất. Khi nói chuyện với ai, ông luôn nhìn thẳng, mắt như hơi cười, làm cho người nghe rất dễ chịu. Đi đêm, ông Quan thường lấy một đoạn gốc nứa già làm gậy. Một đầu gậy ông đẽo vạt ống dầu. Đầu nhọn của ống nứa già còn sắc hơn dao bằng thép. Trước lúc lên đường, từ nhà tôi ông cũng làm một cây gậy như thế. Thấy vậy tôi hỏi:

- Làm gậy, sao lại vạt nhọn một đầu đi như thế ạ?

Ông Quan nhìn tôi ôn tồn nói:

- Đi đêm trong rừng, con thú gì cũng sợ người, duy chỉ có con hổ là phải đề phòng - nó thường cũng tránh người, nhưng cũng có lúc vồ người. Hổ mà vồ, thì có súng trong tay cũng bằng vô dụng. Chỉ có thứ gậy này là tốt nhất. Tất nhiên tránh được cái vồ đầu tiên của nó, không phải ai cũng làm được. Cái cốt yếu là tai mình phải thính, chân tay mình phải nhanh nhẹn. Phát hiện ra hổ thì không thể chạy trốn được. Mình phải thật nhanh, ngồi xuống, chống cây gậy này xuống đất, đầu nhọn chĩa lên trên. Con hổ nhảy

lên vồ mình, nhất định nó phải bị trọng thương. Nếu nó đau quá mà bỏ chạy, thì mình thoát; nếu nó không chạy, thì lúc đó nó cũng yếu rồi, mình lựa thế mà quần nhau với nó.

Tôi mạnh dạn hỏi:

- Tại sao bọn thằng Chưởng lại gọi bác là Hùm xám?

Ông cười khà khà bảo:

- Hùm xám, là anh em cán bộ Việt Minh đặt cho bác đấy. Bọn thằng Chưởng rất sợ "Hùm xám", vì bác là thổ địa của vùng này mà!

- Sao Việt Minh lại gọi bác như thế? - Tôi có ý tò mò hỏi thêm.

Ông Quan vừa cười, vừa xua tay - có ý xua tan cái ý nghĩ trong đầu tôi. Ông nói:

- Không sao cả, đấy là một vinh dự lớn đấy cháu ạ! Chả là thế này: Một đêm, bác cùng cán bộ Việt Minh qua đèo Yên Ngựa, cũng gặp một con hổ, bác đã xử lý tình huống này như bác vừa nói. Ngay cú vồ đầu tiên, chiếc gậy của bác đã chọc đúng một bên nách của nó. Nó nằm vật xuống đất, dùng chân trước còn lại bổ những chiếc vuốt nhọn vào bác, mồm há to, nhằm mặt bác cắn. Bác nằm đè lên nó, một tay nắm chặt cái chân còn khoẻ, còn tay kia bóp vào họng nó đẩy ra. Hai chân sau nó đạp rách toạc cả quần của bác. Móng nó cào vào đùi đau buốt, nhưng không thể buông nó ra được. Con hổ nghẹt thở đuối dần, lúc sau mấy cán bộ đi cùng mới kịp lao vào giúp. Từ đó cán bộ gọi

bác là Võ Tòng. Nhưng bác không có võ, lại chẳng biết Võ Tòng là ai, nên họ lại gọi bác là Hùm xám.

Đêm ấy, trời tối lờ mờ, những hạt mưa lất phất làm áo tôi hơi ướt, cái lạnh ngấm dần vào da thịt. Lúc này tôi mới hiểu, thế nào là "*Mưa dầm, thấm sâu*". Mỗi người đi cách nhau chừng mười bước. Đoàn người lầm lũi trong đêm, suốt cả chặng đường không ai nói câu gì.

Đi hết địa phận Cốc Nghè, vượt qua mấy cái đèo nữa là sang đất thuộc quyền kiểm soát của đồn Phố Lu. Ở đây chưa được giải phóng nên rất nguy hiểm. Tôi dò dẫm đi chậm lại, vừa đi, vừa quan sát nghe ngóng. Hôm nay dẫn đường cho cán bộ, tôi không còn cảm giác bâng khuâng, bỡ ngỡ như lần trước nữa, chỉ có cảm giác sợ địch rình rập thì luôn ám ảnh. Nhưng đằng sau tôi là ông Quan - con Hùm xám của núi rừng, nên tôi cảm thấy vững tâm. Khi tôi vượt qua đèo, những người đi sau cũng lên gần tới đỉnh. Bất ngờ ở phía sau tôi một loạt súng nổ lên; có một tiếng rú lên rất to; tiếp sau là tiếng ông Quan hô:

- Địch phục kích!... Chạy đi!...

Theo phản xạ tự nhiên, tôi chạy tạt lên sườn dốc, vì tôi sợ ở dưới còn có địch chặn đầu. Nhận định của tôi quả không sai. Bọn địch ở phía dưới bắn loạn xạ lên hai bên sườn đồi. Sợ quá, nhưng lần này tôi không còn vãi phân ra quần như lần trước nữa. Đêm tối mịt mùng, rừng cây dày đặc thế này, cách nhau cỡ vài chục mét thì không còn sợ gì nữa. Tôi dừng lại nghe ngóng, thấy bọn lính quát:

- Bọn chúng chạy thoát rồi; chỉ bắt được thằng Mán này thôi.

Tôi bủn rủn cả chân tay, ngã khuỵ xuống. Một thằng Mán bị bắt có nghĩa là ông Quan đã rơi vào tay giặc. Vì trong đoàn chỉ có tôi và ông mặc quần áo Mán thôi. Hai người cán bộ kia đã chạy thoát, họ chỉ cần chạy ngược lại, qua vài quả đồi là về đến vùng tự do rồi.

Tôi như người mất hồn, thẫn thờ đến ngây dại. Hai người cán bộ kia, tôi không gặp được nữa. Tôi tin là họ không thể lạc được, nên không dám hú để gọi, vì như vậy lại càng nguy hiểm.

Về đến nhà thì trời đã sáng, tôi ôm chầm lấy bố tôi, nấc lên như đứa trẻ. Bố tôi gặng mãi, nhưng tôi không nói được lên lời. Mãi hồi lâu sau, tôi mới bình tĩnh, thuật lại sự việc cho bố tôi nghe. Ông đau đớn nhìn tôi, mắt không chớp, cứ nhìn trân trân vào khoảng không vô định. Tôi nhìn ông chờ đợi- như chờ đợi một tia sáng le lói trong màn đêm, dù biết rằng nó không đủ sáng để soi đường, nhưng nó là cái đích cho tôi đi tới!

Lúc lâu sau bố tôi thở dài, dường như có bao nhiêu không khí nó nén vào trong ngực ông hết cả. Thở dài xong, tôi cảm thấy ngực ông dính đét vào lưng! Ông thủng thẳng nói:

- Cứ biết thế đã!

Có lẽ như thế là phải - im lặng là vàng mà! Cũng phải chờ đợi xem tin tức thế nào đã. Có ai biết việc mình làm

đâu mà nói. Sự việc quan trọng thế, nói ra mỗi người suy diễn theo một hướng, mình có chạy theo họ mà nói lại được đâu. Bây giờ tự dưng mình nói ra, thì chắc cái tiếng làm chỉ điểm dẫn cán bộ vào ổ phục kích của địch với tôi sẽ không còn oan ức gì nữa.

Mấy hôm sau, có người Lũng Vài đi lính dõng ở Phố Lu nhắn về là: Bọn ác ôn ở đồn Phố Lu lấy kìm vặn hết tóc của ông Quan, nhưng ông không khai báo gì. Cuối cùng bọn chúng bỏ ông vào bao tải, buộc lại vất xuống sông Hồng.

Tôi làm thư ký cho Uỷ ban Kháng chiến Lũng Vài, nên tin tức trong vùng nắm được rất nhanh. Sau khi ông Quan bị giết hại, dân Lũng Vài xôn xao một thời gian. Có người cho rằng: Phố Lu là cái chốt quan trọng của địch ở cửa ngõ Lào Cai, mất Phố Lu thì Lào Cai cũng bị đe doạ, nên bọn địch canh phòng rất cẩn mật; lại có người nói nhất định là có chỉ điểm, ở Lũng Vài này còn nhiều chỉ điểm chưa bị lật mặt, chúng vẫn thù Việt Minh, mong ngóng bố con thằng Chưởng quay lại... Những lúc bất đắc dĩ phải nghe tranh luận như vậy, tôi vờ cắm cúi vào công việc.

Hầu như ngày nào tôi cũng đến nhà ông Đoàn làm việc- vì trụ sở xã đặt tại nhà ông. Làm việc cho xã là nhiệm vụ của cách mạng giao cho, nên người nào được giao làm việc gì là cảm thấy rất vinh dự. Làm việc cách mạng ở xã, không được phụ cấp, nhà lại thường phải nuôi cán bộ, nhưng không thấy ai đòi hỏi gì. Từ Lũng Vài về Lục Yên họp, phải đi bộ mất hai ngày đường, tôi và ông Đoàn

thường đóng mảng nứa, để xuôi theo dòng sông. Đi họp huyện cũng phải mang gạo nhà đi nộp. Ở huyện cũng không trợ cấp gì cho cán bộ xã về họp. Nhưng những ai được về huyện họp thì vinh dự lắm.

Đầu năm 1950, tôi và ông Đoàn Chủ tịch xã, được triệu tập về huyện họp, để nghe phổ biến về chiến dịch Lê Hồng Phong - ta quyết tâm tiêu diệt toàn bộ các đồn bốt địch, tiến tới giải phóng hoàn toàn Lào Cai. Hướng chính của chiến dịch là tiêu diệt đồn Phố Lu; hướng phụ của chiến dịch là đánh địch ở cụm Nghĩa Đô.

Ngày 8-2- 1950 thì nghe tin quân ta đánh đồn Phố Lu. Bộ đội chủ lực là Trung đoàn Thủ đô, có cả pháo binh và vũ khí tối tân khác yểm trợ, nên chỉ trong vòng sáu ngày ta đã hạ được đồn. Tin thắng trận làm nức lòng nhân dân trong vùng- bộ đội ta diệt được hơn 200 tên địch và còn bắn rơi được một máy bay.

Hạ được đồn Phố Lu xong, một mũi của bộ đội chuyển hướng bao vây cụm Nghĩa Đô. Lũng Vài, và những vùng lân cận được phổ biến, phải vận động nhân dân đóng góp lương thực, thực phẩm cho bộ đội đánh đồn. Cán bộ phổ biến xong là dân tự nguyện đóng góp ngay. Nhà nào cũng đóng góp gạo cho bộ đội, có nhà còn dắt cả trâu đến ủng hộ.

Tôi được cử ghi chép sổ sách và dẫn người mang gạo, trâu thu được đi nộp cho bộ đội. Chúng tôi được huy động thành lập một đoàn dân công phục vụ chiến đấu.

Cụm quân địch ở Nghĩa Đô có hai đồn, cách nhau khoảng 300 mét- một đồn Pháp - khố đỏ do một quan tư Pháp chỉ huy; một đồn của Hoàng A Tưởng, toàn là lính dõng. Hệ thống phòng ngự của địch khá kiên cố - đồn Pháp - khố đỏ đóng trên một quả đồi độc lập cao khoảng 30 mét so với cánh đồng chung quanh; đồn có tường đất bao bọc; dưới chân đồi lại có khe suối ngăn cách; trên quả đồi được bố trí 7 lô cốt án ngữ các hướng. Địch có cả đại bác 75 ly và nhiều ụ súng máy nên khống chế được cả vùng. Quân địch có đến 400 tên lính, trong đó có 25 lính Pháp và 100 lính khố đỏ. Cả hai đồn đều nằm trên những quả gò độc lập, xung quanh là địa hình bằng phẳng và có sân bay giã chiến được canh phòng cẩn mật. Quanh đồn Hội tề ở nên rất khó cho bộ đội tấn công.

Ngày 10 tháng 2 năm 1950 quân ta tấn công đồn Nghĩa Đô. Pháo binh của ta đặt ở vành đai thung lũng, nên bắn vào đồn hầu hết là không tới. Bộ đội phải vượt qua một cánh đồng mới có thể áp sát vào đồn tấn công được. Đêm đến, bộ đội ta bò vào đánh chiếm được sân bay. Toàn bộ cánh đồng bao quanh đồn, ta đã làm chủ. Địch rút hết lên đồn cố thủ, từ các cửa hầm bắn ra dữ dội, bộ đội ta không thể bám sát được chân đồn. Đến ngày 23 bộ đội ta mới tiêu diệt được đồn Hoàng A Tưởng và dùng hoả lực áp sát bắn cháy toàn bộ nhà lá trên đồn Pháp.

Bộ đội ta đào công sự ngay trên cánh đồng, để giữ vững trận địa. Do đánh ban đêm, nên thương vong rất ít. Bộ

đội ta nằm ngay trong công sự, để chờ đêm tối tiếp tục tấn công lên đồn.

Trời sáng, tiết trời cuối xuân, đầu hè mát dịu. Bầu trời trong xanh, xa xa trong các thung lũng, hơi nước bốc lên tạo thành những làn sương mỏng, phủ lên sườn đồi như phơi lụa. Trận địa im lìm. Nếu như không có mùi khét của thuốc súng, theo gió thỉnh thoảng bay về, thì không ai nghĩ ở đây có cuộc chiến đấu diễn ra.

Khoảng 3 giờ chiều ngày 24, bỗng trên trời có tiếng ù ù, âm âm như tiếng sấm vang vọng từ phía chân trời. Mọi người tưởng là những tiếng sấm đầu mùa. Nhưng tiếng sấm đó không tắt, nó rền đều đều như cối xay lúa. Một loáng sau, thấy những chấm đen xuất hiện trên bầu trời, chúng to dần, to dần rồi phát ra những tiếng rít đến lọng óc. Đó là những chiếc máy bay đen trũi, chúng nghiêng cánh bắn xuống cánh đồng. Thỉnh thoảng lại có một quả bom ném xuống, khói đen bao trùm cả một vùng. Bộ đội ta nằm ép trong công sự để tránh đạn. Cùng lúc ấy, từ trên trời xanh, những chiếc máy bay nhả ra vô vàn những cục gì, trông ngọ ngoậy như người, phía trên có tấm vải bay phần phật, gió thổi vào, phồng lên như những cây nấm khổng lồ. Một tiếng thét lên từ phía đồi chỉ huy: "Địch nhảy dù..."

Sắp tiếp đất, bọn lính dù xả súng bắn thẳng xuống cánh đồng. Bộ đội ta vừa bị máy bay quần đi, quần lại, giờ lại bị bọn lính dù bắn từ trên đầu, trong tay hầu như chỉ có lựu đạn, súng trường và mã tấu, nên có nhiều bất lợi. Tuy vậy cuộc chiến đấu giáp lá cà diễn ra vô cùng ác liệt, cả ta

và địch đều bị thiệt hại rất lớn. Quân địch nhảy dù xuống khoảng 400 trăm tên, bị ta tiêu diệt 60 tên, còn lại chúng rút hết lên đồn cố thủ.

Có lẽ đây là tình huống mà quân ta không dự kiến đến. Chỉ trong mấy phút đồng hồ, địch làm chủ hoàn toàn trận địa. Pháo binh ta không bắn được, vì dưới cánh đồng là bộ đội. Bộ đội ta tổn thương lớn quá - có trên hai trăm chiến sỹ hy sinh. Các đơn vị trợ chiến vẫn bám trụ trên các sườn đồi, tiếp tục bao vây đồn. Ta củng cố lại trận địa. Địch cũng không dám tấn công ra ngoài.

Màn đêm buông xuống, thỉnh thoảng bọn địch ở trong đồn lại bắn pháo sáng để canh phòng quân ta tấn công. Lợi dụng đêm tối, quân ta đột nhập vào đồn địch giải thoát cho gần 200 người dân bị địch kìm kẹp, để làm bức tường sống ngăn chặn quân ta tấn công. Cuộc chiến đấu không thể tiếp tục vì quân ta có nhiều bất lợi, nên bộ đội chủ lực chỉ để lại một đơn vị nhỏ để khống chế địch từ xa. Cả nửa tháng trời, bộ đội chỉ bao vây áp chế từ xa; địch cũng án binh bất động. Mọi liên lạc, tiếp tế của địch với bên ngoài đều thực hiện bằng máy bay.

Ngày 10 tháng 3, trên đồn địch không một động tĩnh. Trời trong xanh, gió nam nhè nhẹ thổi về. Xa xa trên sườn đồi, tiếng mõ trâu lốc cốc. Khói lam quyện vào sương sớm, vờn lên những mái nhà sàn. Không khí thanh bình đến lạ kỳ.

Lúc sau, cơ sở của ta báo ra là lợi dụng lúc nửa đêm về sáng, địch rút xuống hầm ngầm, theo một cửa hầm bí mật rút chạy về đường Nậm Ngoà, lên đồn Bắc Hà.

Bộ đội lên thu dọn chiến trường, dân công và nhân dân địa phương tiếp tục thu lượm thi hài liệt sỹ để chôn cất. Nhiều bà con vừa làm, vừa khóc. Thi thể của các liệt sỹ hầu như không còn nguyên vẹn, bà con đành thu lượm đặt vào hố chôn tập thể.

Tiêu diệt xong đồn Phố Lu và đồn Nghĩa Đô, cửa ngõ tiến lên Lào Cai được khai thông. Đến đầu tháng 11 năm 1950, dân Lũng Vài được tin Lào Cai hoàn toàn giải phóng.

* *
*

Đầu năm 1955, một hôm cả nhà tôi đang ăn cơm, bố tôi bảo:

- Mày là cán bộ xã, sao những việc quan trọng liên quan đến dân, lại không nói cho nhà mình biết?

Tôi hơi ngỡ ngàng nhìn bố tôi có ý phân trần:

- Dạ! Mình là cán bộ, những việc liên quan đến dân thì nhà mình phải biết mà thực hiện chứ ạ!

- Thế sao bản Khe Chẩn thấy nhà nào cũng góp gạo?- Bố tôi có vẻ giận dữ nói.

- Dạ! Góp gạo là góp từ năm ngoái chứ ạ! Nhà mình cũng đóng góp, là để phục vụ chiến dịch giải phóng Điện Biên.

- Khổ quá! Việc ấy qua rồi, tao nói là nói cái bây giờ cơ.

Nghe bố nuôi tôi nói vậy, tôi từ ngỡ ngàng chuyển sang ngơ ngác, chẳng hiểu gì cả. Từ ngày giải phóng Nghĩa Đô, chỉ có một lần duy nhất là huy động toàn dân đóng góp gạo, trâu cho chiến dịch giải phóng Điện Biên. Tôi là người được xã cử ra ghi chép sổ sách. Xã cũng cử ra một đoàn, toàn người khoẻ mạnh gánh gạo, dắt trâu đi phục vụ chiến dịch. Bố nuôi tôi bảo là dân góp gạo, như vậy chắc là nộp thuế, nhưng sổ thuế của Lũng Vài do tôi giữ, mà nộp thuế thì bằng thóc chứ không phải bằng gạo. Tôi đã sống với người Mán trên mười năm, sự thực tôi đã thành người Mán rồi, nên tôi rất hiểu người Mán. Người Mán đã nghe ra vấn đề gì là cả bản cùng theo, người nào không theo thì chỉ còn nước đi nơi khác ở. Tôi nhìn bố nuôi tôi, thấy ông nhai chầm chậm lại có ý nhìn tôi chờ đợi, nên tôi nghĩ là bố nuôi tôi nói đúng sự thật. Nghĩ vậy tôi trả lời:

- Dạ! Thu thuế thì xã chưa có lệnh thu. Còn nộp gạo, thì xã không có việc gì cần đến gạo cả.

Bố nuôi tôi bỏ bát không ăn nữa, ông quay ra lấy điếu hút thuốc. Tôi mường tượng thấy có việc quan trọng, nên cũng không ăn cơm nữa, cũng ra hút thuốc. Chờ cho bố tôi hút được vài ba điếu, tôi mới hỏi:

- Thế bố có biết họ thu gạo làm gì không ạ?

- Biết chứ! Bản mình cũng đang chuẩn bị nộp rồi. Nhà mình cũng phải nộp thôi. Cái cán bộ xã nó không còn tin mày nữa rồi. Mày về theo vợ đi làm nương thôi.

Thấy bố tôi nói vậy, nỗi buồn trong tôi dâng lên tê tái. Sau ngày giải phóng, cán bộ cấp trên về Lũng Vài xây dựng phong trào, lúc đầu kết nạp được ông Lý Phúc Đoàn vào Đảng. Thỉnh thoảng ông Đoàn lại về Cốc Lụ sinh hoạt chi bộ. Vài năm sau một số người cũng được kết nạp, trong đó có cả anh Vằng và anh Quáng. Bây giờ cả hai anh đã thành cán bộ xã cả rồi. Thấy mình cũng luôn chí cốt với công việc được giao, nên tôi mạnh dạn hỏi ông Đoàn là làm sao tôi không được vào Đảng. Ông Đoàn lúc đầu không nói gì, nhưng thấy tôi buồn, công việc của xã lại nhiều, sợ không có người làm thư ký, nên cuối cùng ông cũng nói: "Cháu mày cũng là người tốt, tôi cũng biết mà! Nhưng nói ra thì khó cho tôi quá à! Cái này phải để xác minh đã".

Tìm hiểu thêm, tôi được biết: Người vào Đảng, ngoài việc hoàn thành nhiệm vụ được phân công, được những người xung quanh mình tín nhiệm, thì cần phải có lý lịch rõ ràng, trong sạch. Họ bảo lý lịch của tôi không rõ ràng, và có nhiều điểm nghi vấn. Lũng Vài xa Hà Nội lắm, người Mán không đến đấy để xác minh lý lịch cho tôi được. Vả lại những người cùng bố nuôi tôi, đi mua tôi, họ thấy tôi lúc ấy trông như hòn bột, lại biết cả tiếng Pháp, nên chắc phải là con nhà tư sản! Bọn tư sản ở Hà Nội đã theo giặc

vào Nam cả rồi. Một số người lại bảo, tôi là người hai mặt- làm cho ta cũng được, làm cho Pháp cũng xong. Bằng chứng là: Tôi vẫn được bố con thằng Chưởng mời về làm thông ngôn cho Pháp; bà Nguyên thì vẫn khăng khăng bảo tôi cùng thằng Lượng làm chỉ điểm; anh Vằng thì bảo, hôm bị bắt lên đồn Hoàng A Tưởng vẫn còn nhớ câu nói của tôi:" Không có trâu nộp thì đi lính cũng được" - như vậy tôi là người hai mặt; là người không có lập trường tư tưởng!

Hôm nay nghe bố nuôi tôi bảo: "Cái cán bộ xã nó không tin mày nữa rồi", tôi nghĩ có thể là bố nuôi tôi nói đúng chăng? Bây giờ anh Vằng, anh Quáng và một số cán bộ của Lũng Vài đã nhận được mặt chữ, giấy tờ trên gửi về. họ cũng đã đánh vần và luận ra được, chắc vì thế mà họ không cần đến tôi nữa. Có lẽ bố tôi nghĩ thế là đúng- vì nếu xã cần tôi, nhất định sẽ cho người đến tìm. Họ không tìm tôi nghĩa là họ không tin tôi nữa.

Lúc này nỗi nhớ Hà Nội lại da diết trong tôi. Ký ức về Hà Nội như vừa diễn ra hôm qua thôi. Đã gần mười lăm năm rồi còn gì. Thuý Kiều lưu lạc mười lăm năm, khi tìm lại quê nhà thì quê hương đã khác xưa lắm rồi. Chắc quê nhà của tôi cũng vậy. Tôi nghĩ đến mẹ đẻ của tôi, bà thường lấy truyện Kiều để ru tôi. Bất chợt lời ru ấy như từ một cõi thăm thẳm vọng về:

Buồn trông cửa biển chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
...

Nỗi cô đơn, hiu quạnh trong lòng tôi, càng nhân lên gấp bội. Được cán bộ Việt Minh tin, được người Mán ở Lũng Vài tin, tôi háo hức lao vào cuộc sống, như chính mình đã sinh ra ở Lũng Vài. Nhưng đến giờ phút này, cái háo hức trong tôi, nó như một mảnh nương khô hạn của mùa đông, cây cối trên đó hắt hiu, vàng vọt. Khi về đây, tôi là một đứa trẻ, nay tôi đã là bố của ba đứa trẻ, và sắp làm bố của đứa thứ tư rồi. Có lẽ trên đời này, cái quí giá nhất không phải là miếng cơm manh áo. Thiếu cơm, thiếu áo ta có thể bị đói, bị rét, nhưng nó là thứ có thể cho nhau, có thể biếu, có thể bố thí được. Cái quí giá nhất có lẽ là niềm tin chăng? Khi không còn niềm tin, người ta sẽ sụp đổ, không còn muốn sống nữa. Nghĩ lại lời nói của bố nuôi tôi: "Cái cán bộ xã nó không còn tin mày nữa rồi", các khớp xương trong người tôi như rời ra. Tôi ngồi thừ bất động, tay run run không còn cầm nổi cây điếu nữa. Bất chợt, bố nuôi tôi nói to, rành mạch, tôi chưa thấy thế bao giờ. Ông nói:

- Nhưng họ vẫn bảo mày là người tốt phải không?

Tôi như bừng tỉnh. Đúng! Đúng là như thế. Từ ngày lên Lũng Vài này, không biết đã có bao nhiêu người bảo tôi là người tốt rồi. Tôi không được vào Đảng, nhưng ông Đoàn, anh Vằng, anh Quáng cũng vẫn khen tôi thế. Bố nuôi tôi lại cả quyết:

- Thế nào thì cái cán bộ Việt Minh mình đã nuôi, đã dẫn đường cho nó, nó nhất định phải về thăm Lũng Vài mình chứ!

Tôi bình tĩnh trở lại, nhìn bố nuôi tôi và nói:

- Vâng! Nhất định sẽ có người quay lại. Con tin là như vậy bố ạ! Thế nhà mình đã có người đến bảo góp gạo chưa ạ?

- Có rồi, nó gặp tao ở trên nương.

- Ai gặp ạ?- Tôi hỏi dồn.

- Thì thằng Sinh và thằng Lục ấy - bố tôi chậm rãi nói- tao còn thấy cả ông Tinh - Phó Chủ tịch xã cùng đi với chúng nó mà.

- Nhưng hai thằng ấy có phải là cán bộ xã đâu? Nó đã từng là lính dõng cho Pháp mấy năm trước cơ mà?

- Nhưng Việt Minh không bắt tội nó. Bây giờ nó cũng là dân mình cả thôi mà. Nó nói những cái hay cho người Mán mình mà!

- Thế nó nói hay như thế nào ạ?

- Nó bảo: "Người Mán mình sắp có vua rồi - vua từ trên trời nhảy xuống; người Mán phải góp gà, gạo, lợn nuôi vua; thanh niên khoẻ mạnh phải theo vua lên rừng; phải đánh đuổi bọn người Kinh đi; phải xây dựng cho người Mán mình một nước riêng... Lào Cai này là của người dân tộc; Lũng Vài này là của người Mán mình; vua Mán ra thì người Mán mình hết khổ - bông lúa to như đuôi trâu; trâu bò gà lợn đầy nhà; của cải nhiều như sỏi đá..."

- Ông Tinh cũng nói thế ạ?

- Ông Tinh không nói, nhưng tao nhìn thấy ông đi cùng với chúng nó. Đến gần nương nhà mình thì ông ấy đi

quặt xuống bờ suối. Có cả cán bộ xã đi cùng thì phải tin chứ...

Bố tôi còn nói nhiều nữa, nhưng tôi đã nghĩ đến việc khác - tại sao ông Tinh Phó Chủ tịch xã lại đi cùng với bọn thằng Sinh, thằng Lục? Ông Tinh tuy là người ít nói, nhưng xã phân công việc gì ông cũng làm tốt. Công việc đối với ông là quan trọng nhất. Cán bộ như thế khi đã làm điều gì, dân làm theo ngay. Tôi không thể cắt nghĩa được điều này, nhưng cũng không nói gì với bố tôi. Vì những điều tôi đang nghĩ về ông Tinh nói ra khó quá. Nhưng tôi nghĩ bọn thằng Sinh, thằng Lục nhất định là tay chân của phỉ rồi. Cấp trên cho biết: Sau khi Lào Cai giải phóng, bọn phản động chạy theo Pháp, được huấn luyện và cho nhảy dù trở lại Lào Cai hoạt động phỉ. Năm năm ba, năm tư chúng hoạt động mạnh ở Phong Thổ, Bát Xát, Mường Khương. Khi bị quân ta đánh cho tan tác, chúng lại chạy dạt về các vùng hẻo lánh. Chúng tung tin: Người Pháp được người Mĩ giúp, sẽ cho máy bay ném bom những bản không theo chúng; bên Nậm Lúc vua Mán sắp ra ai đi theo vua sẽ được sung sướng... Nghe chúng nói vậy, đã có hơn hai mươi hộ Lũng Vài bỏ sang Nậm Lúc. Ở đấy, dân treo cờ Pháp, thỉnh thoảng lại được máy bay thả cho thức ăn và vũ khí. Nghe thấy như vậy, dân Lũng Vài càng tin là có vua ra. Bây giờ ở Lũng Vài lại có tin vua sắp ra, như vậy nhất định đã có phỉ về Lũng Vài rồi. Tôi hỏi thêm bố nuôi:

- Thế chúng còn nói gì nữa không ạ?

- Có! Chúng bảo phải bí mật, để lộ vua không ra được đâu. Vua ra thì người Mán mới hết khổ!...

Tôi nhìn bố nuôi tôi nói dứt khoát:

- Thế thì nhất định không phải cán bộ xã vận động rồi. Bọn chúng là thổ phỉ đấy!

Bố nuôi tôi tròn mắt nói:

- Hử? Thổ phỉ là cái gì?

- Là bọn thằng Chưởng, là bọn đi lính dõng cho Pháp - tôi nói to, dứt khoát - Pháp chạy, nó cũng chạy theo, bây giờ Pháp huấn luyện xong, cho nó đi máy bay trở về Lào Cai, nhảy dù xuống - cũng như bọn Pháp nhảy dù xuống Nghĩa Đô ấy. Không có vua nào đâu. Không có ai từ trên trời nhảy xuống được đâu. Ở Mường Khương, Bắc Hà nó bị quân ta đánh, nên chạy dạt về đây.

Nói xong, tôi dặn gia đình không được lên nương nữa, rồi đi về nhà ông Đoàn báo cáo. Đến nơi đã thấy cán bộ xã về đông đủ, các bản Khe Kẹm, Khe Đanh, Khe Chẩn cũng về. Các nơi phản ánh cũng giống như bố tôi đã nói. Tôi ghi thành bản báo cáo, ông Đoàn cho giao thông hoả tốc về huyện nộp. Cán bộ hội ý, nhận định tình hình. Cuối cùng ông Đoàn thống nhất: Cán bộ phải trở về bản, vận động nhân dân không đi theo phỉ; không nộp lương thực, thực phẩm cho phỉ.

Ngày Lào Cai giải phóng, chỉ có thằng Chưởng chạy theo Pháp sang Lai Châu. Bàn Văn Quang - bố thằng

Chưởng và thổ ty Hoàng Văn Thừa thì Việt Minh bắt đưa đi cải tạo. Cải tạo xong, hình như ông Quang ở lại Phong Thổ, còn Hoàng Văn Thừa thì dẫn vợ ba chạy vào Nam theo giặc.

Người Mán không quen làm ruộng, nên đợt cải cách ruộng đất ở Lũng Vài không có ruộng để chia. Thổ ty Hoàng Văn Thừa có nhiều ruộng, bãi chạy dọc theo triền sông Chảy, cán bộ cấp số ruộng ấy cho người Mán Lũng Vài. Nhưng không ai về lấy, nên bãi ấy, ruộng ấy trở thành bãi thả trâu. Bọn phản động muốn nhân cơ hội chia ruộng, để kích động chia rẽ mất đoàn kết giữa người Tày và người Mán, nhưng chúng không làm được. Nay chúng dựng lên chuyện vua Mán để kích động dân.

Sự thực thì bọn phỉ đã về Lũng Vài từ bao giờ, cán bộ xã cũng không nắm chắc được, chỉ đến khi nó tác động đến người nhà cán bộ thì xã mới biết. Những người trước đây có đi lính dõng, hoặc có quan hệ mật thiết với chúng, nay đã chạy lên rừng theo chúng cả. Có nhà chỉ còn người già, đàn bà và trẻ con. Bọn phỉ ở trong các hang đá trên núi cao, nơi giáp ranh giữa các vùng. Dân bản tin lắm, vì người nào cũng muốn sung sướng, mong vua sớm ra, để giúp đỡ cho người Mán.

Trên cử một tổ công tác về giúp Lũng Vài, nói rõ bọn phỉ trên rừng chính là thằng Chưởng được Pháp huấn luyện, cho nhảy dù quay trở lại, nó tự xưng là vua, chứ sự thực không có vua nào cả. Bộ đội và du kích bao vây chặt

khu rừng có phỉ, bọn chúng không có cách nào về quấy phá dân bản nữa. Một số người trốn lên rừng, chờ mãi không thấy vua ra, đói rét quá cũng trốn về nhà. Bọn thằng Chưởng và một số tên ngoan cố trốn đi và không thấy trở lại Lũng Vài nữa. Cũng thời gian ấy, ông Đặng Quang Tinh bị cán bộ an ninh về bắt. Mọi người hết sức ngỡ ngàng, vì ông Tinh là cán bộ rất gương mẫu, có uy tín với dân. Một thời gian sau mới biết, ông Tinh đã cùng ông Lượng làm chỉ điểm. Ông Tinh được địch gài lại để luồn sâu leo cao. Mọi việc làm tốt của ông Tinh đều là giả dối, để tạo vỏ bọc bên ngoài. Thấy ông Tinh là người trầm tính , kín đáo nên đã nhiều lần tôi định mang những chuyện oan ức của mình ra tâm sự với ông ta; nhưng nghĩ lại, thấy chính ông Tinh cũng có ý nghi mình làm chỉ điểm nên lại thôi. Khám nhà ông Tinh, lấy được một cuộn tài liệu viết bằng chữ nho. Tôi giúp cán bộ an ninh dịch ra chữ phổ thông. Đọc qua một lượt, tôi thấy bần thần cả người - trong tài liệu có cả danh sách ban lãnh đạo mới của xã; có cả danh sách những cán bộ xã hiện nay bị chúng đưa vào diện bị thủ tiêu; tên tôi cũng có, nhưng lại ghi là giữ lại làm thư kí cho bọn chúng. Cái làm tôi bần thần là vì lẽ đó. Trời ơi, sao bọn chúng lại không ghi tôi vào danh sách bị thủ tiêu? Tôi cắn bút suy ngẫm - định không dịch dòng này. Nhưng làm thế thì nguy hiểm quá, một số cán bộ biết chữ nho cũng nhìn xem tôi dịch thế nào. Tôi lại được một phen hú vía. Đến lúc này, tôi lại càng thấm thía câu *Im lặng là vàng* của người xưa để lại.

Tiễu phỉ xong, cấp trên lại cử cán bộ về Lũng Vài làm " Cải cách dân chủ kết hợp với hợp tác hoá". Tôi vẫn được làm thư ký cho xã. Đã bao lần tôi có ý định tìm đường về quê, nhưng công việc của xã, công việc của gia đình cứ như cơn lốc, hết đợt này đến đợt khác, làm tôi không thực hiện được.

Cán bộ về cơ sở công tác, gọi là hạ phóng. Cán bộ hạ phóng về Lũng Vài, là một người quê gốc ở Hải Phòng, ông đã từng là bộ đội, cấp bậc thượng uý - chính trị viên đại đội. Ông nói, ông đã chỉ huy một đại đội sơn pháo tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Hình ảnh ban đầu của ông ghi đậm trong tâm trí tôi. Ông người dong dỏng, da hơi đen, nhưng bóng. Mỗi khi ai hỏi ông điều gì, bao giờ hai lông mày của ông cũng nhíu lại, vẻ đăm chiêu, sau đó nở một nụ cười rồi ông mới trả lời. Động tác ấy của ông, làm người đối thoại rất dễ chịu. Hôm về Lũng Vài, ông đeo một chiếc ba lô. Trên ba lô có đeo một chiếc chăn đơn, một chiếc chiếu, một cái ca và một cái bát sắt. Một bao tượng gạo được ông buộc cẩn thận quanh chiếc ba lô.

Ở Lũng Vài này chỉ có bố nuôi tôi thạo tiếng Kinh, mặt khác tôi đang làm thư ký cho xã, nên ông Đoàn bố trí cho cán bộ về nhà tôi ở. Tôi mừng lắm, vì từ ngày gặp Lê Hà và ngày bộ đội về giải phóng Phố Ràng đến nay mới lại có dịp sống gần gũi một cán bộ người Kinh ở dưới xuôi. Những ngày ở nhà tôi, tôi thấy ông như một cái đồng hồ- sáng đúng năm giờ là ông dậy tập thể dục, sau đó đánh răng, rửa mặt. Chỗ ở của ông được sắp xếp lại ngăn nắp-

chăn màn gấp vuông vắn như khúc gỗ. Ông thường cùng gia đình tôi đi làm nương, lấy củi, đến bữa cũng vào bếp nấu cơm. Cả nhà tôi quý ông lắm. Ông thường đưa lũ con tôi ra suối tắm, chơi đùa với chúng, nên lúc nào chúng cũng ríu rít bên ông. Ở Lũng Vài được một tháng, ông cũng bắt đầu nói được một số câu bằng tiếng Mán.

Hàng ngày, tôi thường cùng ông Trần Hoàng - tên ông cán bộ hạ phóng, đến nhà ông Đoàn làm việc. Ông nói về công việc rất thông thạo, nhưng chữ của ông thì rất xấu, rất khó đọc. Tôi hỏi, ông bảo: "Thuở bé ông không được đi học, khi vào bộ đội tự học với nhau, nên mới chỉ biết đọc, biết viết thôi - cũng tương đương lớp một, lớp hai bổ túc gì đấy". Vậy là từ ngày ông Hoàng về hạ phóng, tôi vừa làm thư ký cho xã, vừa làm thư ký cho ông Hoàng.

Dạo này công việc của xã rất nhiều, nhưng công việc chiếm thời gian nhiều nhất là vận động nhân dân vào hợp tác xã. Lúc đầu, ông Hoàng vận động bà con vào tổ đổi công. Tưởng tổ đổi công là cái gì lạ lắm, nên tôi chăm chú nghe ông Hoàng nói rồi dịch ra tiếng Mán cho mọi người cùng nghe. Nghe xong, mọi người ồ lên: - Tưởng gì chứ nhà này đến giúp nhà kia phát nương, tra lúa, rồi lại giúp nhau gặt lúa thì người Mán lúc nào chả làm, không phải vận động đâu. Ông Hoàng bảo: "Đành rằng là như vậy, nhưng bây giờ khác trước. Trước đây, người có công việc phải tự đi liên hệ lấy người về giúp mình, nay ta có tổ chức, có một người làm tổ trưởng. Nhà nào có việc thì đến báo với tổ trưởng, tổ trưởng tính toán, cắt cử người đi làm. Làm

xong cho nhà này, tổ trưởng lại điều đi làm cho nhà khác..."

Lũng Vài có khoảng hai trăm hộ, được chia ra thành hơn hai mươi tổ. Không phân biệt họ hàng, cứ sống gần nhau được vào một tổ. Tổ trưởng do dân bầu bằng cách giơ tay. Bố tôi cũng được bầu làm tổ trưởng một tổ. Được tham gia công tác xã hội, ông vui vẻ lắm- luôn xăm xắn lo cho công việc của tổ. Ông lo cho tổ từng cây gậy để chọc lỗ tra lúa. Ông lên núi đá, vào tận rừng già tìm cây chẩn về làm gậy - cây chẩn gỗ chắc, nặng, mọc thẳng, chỉ to bằng cổ tay là gỗ đã cứng lắm rồi, chọc lỗ cho cả vụ lúa nương cũng không hỏng. Nhà nào thiếu giống, thừa giống lúa, ngô ông cũng nắm được, để bảo giúp đỡ lẫn nhau.

Từ khi thành lập tổ đổi công, không khí trong bản cũng vui nhộn hẳn lên. Đã lâu lắm rồi, tôi mới thấy cảnh nam nữ hát đối với nhau. Những lúc nghỉ giải lao, họ ngồi dưới bóng cây để hát. Tết đến, mọi người muốn tụ tập để ném còn, múa Thương, múa Tâu biểu... Ông Hoàng bảo: "Đấy là mê tín dị đoan, là tàn dư văn hoá phong kiến rơi rớt lại, cần phải bài trừ". Dân bản buồn lắm! Nhưng nghe thấy bảo là tàn dư của chế độ cũ thì ai cũng sợ.

Tổ chức xong tổ đổi công ở Lũng Vài, ông Hoàng viết báo cáo về huyện. Ông nằm ngửa, mắt nhìn trân trân lên mái nhà, tôi ngồi cạnh, kê cái tráp, trên đặt tờ giấy, tay cầm bút, hễ ông đọc đến đâu tôi chép đến đấy. Ông bảo: Lúc ông nói, tôi phải chú ý lắng nghe. Ông nói đi, nói lại nhiều lần và sửa ngay từ lúc đọc. Khi nào ông giơ một

ngón tay lên, tức là ông đã nghĩ kỹ, câu văn đã đạt yêu cầu rồi, lúc đó tôi mới viết. Lắm lúc mắt ông nhắm nghiền, thở đều, tay chân bất động - tôi ngỡ là ông ngủ. Cứ như vậy, hết một ngày cũng xong được báo cáo. Tôi đọc lại cho ông nghe, thấy ông vui vẻ, mãn nguyện lắm. Đọc xong, tôi mạnh dạn nói:

- Thưa bác! Cháu thấy lắm "*thì*", lắm "*và*", lắm "*do đó cho nên*" quá. Có thể bỏ bớt đi được không ạ?

Ông Hoàng nhíu lông mày, gật gật, lúc sau nhìn tôi nói:

- Ừ! Ừ!... Không được! Cứ phải để lại chứ! *Thì, là* nó mới làm cho câu văn liền mạch. Đọc báo cáo mà cứ như ngồi nói chuyện với nhau, thế mới hay! Ừ!Ừ!... Còn "*do đó cho nên*" là sự nhấn mạnh! Trong báo cáo mà không nhấn mạnh từng vấn đề thì nghe nó nhạt lắm! Những cái mình nhấn mạnh, nó là kết quả công việc, là thực tiễn của cuộc sống, hà cớ gì mà mình lại không nhấn hơn các chỗ khác?...

Nói xong, ông cười khà khà. Cái sự hiền lành dễ mến từ ông truyền sang tôi. Ông nói tiếp:

- Bây giờ cắt tóc cái đã. Anh gọi lũ trẻ về đây, tôi cắt tóc cho. Tôi thấy lũ trẻ dạo này tóc tai bờm xờm quá!

Từ ngày ông Hoàng về ở nhà tôi, tôi như thấy mình khôn ra - những vấn đề lớn như xây dựng quan hệ sản xuất mới; đấu tranh giai cấp; kinh nghiệm xây dựng xã hội mới từ Liên Xô, từ Trung Quốc ông Hoàng nói, tôi dịch ra tiếng

Mán, nói lại rất trôi chảy. Tôi coi ông Hoàng như người ruột thịt. Công việc nhà, công việc của xã cũng có phần thư thư, tôi mạnh dạn hỏi ông Hoàng:

- Thưa bác! Cháu định về Hà Nội tìm lại gia đình, bác thấy thế nào ạ?

- Tốt quá! - Ông Hoàng không chút đắn đo nói - Thế mới phải chứ! Con người ta, ai cũng phải có quê hương - như cây có gốc ấy mà! Bây giờ có đường tầu rồi, chỉ một ngày là về đến Hà Nội thôi. Bố mẹ nuôi anh chắc cũng đồng ý - bây giờ anh đã thành người Mán thật rồi, còn trốn đi đâu nữa mà sợ?

- Dạ! Cháu cũng nghĩ thế ạ! Cháu về trước tìm được nhà, rồi sẽ đưa vợ con về thăm sau. Nhưng... nhưng cháu nghe nói ở Hà Nội làm cải cách dân chủ mạnh lắm. Cháu sợ nhà cháu...

Tôi bỏ lửng câu nói, vì thực tình tôi cũng không biết nhà tôi được xếp vào thành phần gì. Ông Hoàng chắc hiểu nỗi lòng của tôi, nên ông nhìn tôi nhỏ nhẹ nói:

- Ừ! Ừ!... Cũng phải tính đến việc ấy... Năm năm tư một số người chạy theo Pháp vào Nam; số tư sản còn lại cũng đã được cải tạo... Nhà anh là dân nghèo thành thị hay là?...

Tôi quý ông Hoàng lắm, nên mạnh dạn nói:

- Dạ! Bố cháu làm thầy phán, còn mẹ cháu buôn bán gần chợ Đồng Xuân...

Nghe tôi nói vậy, ông Hoàng nhìn tôi ái ngại. Tôi biết ông đang nghĩ gì, nên không hỏi thêm nữa.

Sau khi nhận được báo cáo của ông Hoàng về tình hình thành lập tổ đổi công ở Lũng Vài, huyện đồng ý cho Lũng Vài xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Ông Hoàng được về tỉnh tập huấn. Tập huấn xong, ông về Lũng Vài mở hội nghị triển khai ngay. Trong cuộc họp ông nói:

- Thưa bà con! Cả miền Bắc ta đang nô nức tiến vào một cuộc cách mạng mới - cách mạng xã hội chủ nghĩa. Muốn có chủ nghĩa xã hội thì phải có quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; phải có cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội...

Ba gian nhà ông Đoàn mọi người ngồi chật ních, họ háo hức chờ ông Hoàng về để nghe một chủ chương mới. Lúc đầu họ ngồi im phăng phắc, sau dần dần họ quay ra ngồi hút thuốc lào, có người ngồi tựa vào vách ngủ. Không ai dám bỏ ra ngoài, vì sợ sẽ bị phê bình. Tôi là người thông thạo chữ nghĩa nhất ở Lũng Vài, nhưng cũng chẳng hiểu ông Hoàng nói gì. Lúc giải lao, tôi mạnh dạn nói với ông:

- Thưa bác! Phần lý luận này khó hiểu quá. Đối với người Mán, cần làm gì, làm như thế nào thì cứ nói thẳng ra, chứ thế này chắc không ai hiểu được đâu bác ạ!

Ông Hoàng vui vẻ nhìn tôi và nói:

- Yên trí đi! Lý luận là phải thế! Tớ đi học, giảng viên còn bê ra cả một quyển sách dày cộp, gạch đít, đánh dấu

sẵn, lên lớp đọc từng chữ, từng ý trong đó cho mà chép. Về đây nói với dân tớ đã lược bỏ đi nhiều!

- Thế vào họp tiếp, vẫn nói lý luận nữa hay bàn ngay vào công việc cụ thể ạ? - Tôi sốt ruột hỏi.

- Nói thêm một chút về thực tế ở các nước trên thế giới - ông Hoàng cũng có vẻ sốt ruột nói - rồi bàn cách làm của Lũng Vài ngay.

Tôi mời bà con vào họp. Thấy mọi người uể oải, tôi nhắc:

- Thưa bà con! Mời bà con vào họp tiếp. Mỗi người hút vài điếu thuốc cho tỉnh ngủ. Bây giờ bác Hoàng sẽ nói cho bà con biết về kinh nghiệm đã làm trên thế giới, sau đó sẽ nói cách làm ở Lũng Vài.

Mọi người đã tỉnh táo trở lại. Lúc này cũng đã đến gần mười một giờ đêm. Người Mán, ban ngày phải đi làm nương, tối phải đến chín giờ mới được ăn cơm, nên đi họp rất muộn. Những cuộc họp như thế này, phải mười hai giờ đêm mới xong. Ông Hoàng nói:

- Thưa bà con! Ở Liên Xô, người nông dân đã trở thành công nhân nông nghiệp. Họ lao động trong các nông trang, điều kiện lao động đã được thay đổi - không còn cái cảnh con trâu đi trước, cái cày theo sau nữa. Làm đất, gieo hạt, làm cỏ, thu hoạch là hoàn toàn bằng máy... Ở bên Trung Quốc, nông dân cũng đã được tổ chức thành các công xã nhân dân... Nhưng dù là nông trang hay là công xã nhân dân, thì tựu trung lại vẫn là kinh tế tập thể, là quan hệ

sản xuất mới ở nông thôn. Đó chính là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Trong đó không còn tư hữu nữa. Nói cụ thể hơn là: Không còn ruộng vườn, trâu bò của cá nhân nữa; mọi người cùng làm, cùng hưởng chung thành quả lao động do mình làm ra; ở đó không còn cảnh người bóc lột người; không còn kẻ giàu, người nghèo; người già được chăm sóc, nghỉ ngơi; trẻ con được đến trường; ốm đau có thầy thuốc chăm sóc; không phải uống thuốc bằng lá cây; không phải phù phép cúng ma...

Ông Hoàng còn nói nhiều nữa. Mọi người vỡ vạc dần ra và chăm chú nghe. Thỉnh thoảng ông dừng lại để tôi dịch ra tiếng Mán. Cũng đã hơn mười hai giờ đêm, ông Hoàng cho cuộc họp nghỉ, tối mai họp tiếp. Mọi người chặt nứa, đốt đuốc ra về. Về nhà, bố con tôi và ông Hoàng còn nói chuyện đến gần sáng mới ngủ. Tôi hỏi:

- Thưa bác! Sao Lũng Vài mình không xây dựng nông trang hay công xã nhân dân luôn có được không ạ?

Bố nuôi tôi cũng phụ hoạ theo:

- Tổ đổi công, bà con đã thấy vui lắm rồi, nay vào hợp tác xã chắc còn vui hơn. Nhưng chỉ có con người mình vào hợp tác xã thôi chứ? Con trâu, con ngựa, không cho nó vào hợp tác xã được đâu - nó vào hợp tác xã, mình phải thay nó đi kéo củi à?

Ông Hoàng còn trầm ngâm chưa nói gì, thấy bố tôi vui vẻ, tôi mạnh dạn hỏi:

- Còn nửa tháng nữa là đến mồng 2 tháng 9 rồi - ngày lễ Quốc khánh của cả nước. Con nghe nói ở Hà Nội làm to lắm, vui lắm! Con xin phép bố mẹ được về Hà Nội; cháu xin phép bác Hoàng cho cháu nghỉ việc mấy hôm có được không ạ?

Không chờ bố tôi trả lời, ông Hoàng vỗ vai bố tôi nói:

- Cũng nên thế ông Tiến ạ! Cách mạng thành công rồi, nhiều người đã tìm lại được gia đình. Cháu Tiên biết nghĩ như thế là phải lắm!

Bố nuôi tôi không nói gì, ông cầm điếu hút. Biết ông đang suy nghĩ, nên tôi ngồi yên chờ đợi. Lúc sau, bố mới thư thả nói:

- Ừ! Đi cũng được, cũng phải thế thì mới đúng. Về Hà Nội, phải mua lấy một cái yên ngựa thật tốt. Ở Hà Nội họ có biết cưỡi ngựa không? Sao họ làm cái yên đẹp thế?

Học tập xong, xã phát động các hộ làm đơn đăng ký vào hợp tác xã và góp cổ phần. Một số người biết chữ viết đơn hộ, các chủ hộ điểm chỉ vào đơn. Lúc đầu nhiều nhà còn lưỡng lự, nhưng rồi theo nhau, hộ nào cũng có đơn. Góp cổ phần, thường thì mỗi hộ một con trâu, một mảnh nương, những hộ không có trâu thì chỉ đăng ký nộp nương. Người Mán không có ruộng, nên hợp tác xã cũng không có ruộng chung. Còn nương lúa, nó ở tận tít trên rừng, nhà nào muốn làm bao nhiêu thì làm, nên qui ra mỗi lao động phải nộp một diện tích trồng được hai mươi cân lúa giống -

tương đương một mẫu. Lũng Vài được thành lập ba hợp tác xã là: Khe Đanh, Khe Chẩn và Khe Kẹm.

Ban quản trị cũng được bầu ngay. Những người được bầu, bỏ một cái bát ở đằng sau lưng. Họ không được quay lại nhìn người bỏ hạt. Xã viên cầm hạt ngô, thích bầu cho ai thì bỏ hạt ngô vào bát của người ấy. Người nào có số hạt ngô nhiều hơn thì được làm chủ nhiệm...

Bố nuôi tôi được bầu làm chủ nhiệm. Bầu xong chủ nhiệm thì bầu đến phó chủ nhiệm và ban kiểm tra. Kế toán và thủ quĩ cũng được bầu ra đầy đủ. Việc bầu người vào ban quản trị và làm kế toán, thủ quĩ chủ yếu là dựa vào sự tín nhiệm và là người có lý lịch trong sạch- không làm việc cho Pháp và phong kiến. Trong số được bầu vào ban quản trị của ba hợp tác xã, đều là người mới nhận được mặt chữ. Tôi làm thư ký cho xã nên không tham gia ban quản trị, nhưng tất cả giấy tờ, sổ sách của ba hợp tác xã đều do tôi giữ cả. Thực chất là tôi phải làm kế toán cho cả ba hợp tác xã.

Công việc của xã, của nhà đã thư thư, tôi xin phép bố nuôi và ông Hoàng về Hà Nội tìm lại gia đình.

Hôm chuẩn bị về Hà Nội tìm lại quê nhà, tôi ngồi nói chuyện với ông Hoàng đến tận khuya. Quen ông đã lâu, nhưng đời tư của ông thì tôi chưa được biết. Hôm nay tôi muốn hỏi ông về điều đó. Thấy ông thỉnh thoảng lại thở dài, nên tôi chưa biết bắt vào chuyện thế nào. Ông giục tôi

đi ngủ, nhưng tôi lại đi pha nước và lấy thêm thuốc ra hút. Thấy vậy, ông Hoàng vừa hỏi, vừa như tâm tình với tôi:

- Nhớ nhà hử? Ừ!... Cũng đã gần hai mươi năm cháu phải rời xa quê nhà rồi nhỉ. Con người, cảnh vật bây giờ chắc thay đổi nhiều lắm, cháu không mường tượng ra được đâu. Những cái đang có trong đầu cháu bây giờ chỉ là hình ảnh của quá khứ lưu lại thôi. Nó như tấm hình của ngày xưa ấy mà!...

- Dạ! Đúng là cháu có nghĩ về quê cháu nhiều lắm, nhưng cháu cũng còn nghĩ về bác nữa. Nhà cháu thật có lỗi với bác nhiều quá...

- Sao lại có lỗi? - Ông Hoàng nhìn tôi vẻ ngỡ ngàng nói - Bác coi nhà cháu như nhà mình; gia đình cháu lại coi bác như người nhà rồi còn gì? Thực lòng bác thấy hạnh phúc quá...

- Dạ! Đúng là như vậy ạ! Nhưng cũng chính vì thế mà cháu thấy mình còn có lỗi với bác. Cháu chưa bao giờ hỏi thăm và quan tâm đến gia đình bác. Vậy bác gái và các anh các chị cháu?...

Nghe tôi hỏi vậy, ông Hoàng lặng đi. Ông bần thần, mắt chớp chớp, rồi lấy cùi tay cái giụi vào khoé mắt. Có lẽ do câu hỏi của tôi làm ông xúc động? Tự nhiên tôi lại thấy mình có lỗi thêm. Tôi giải thích:

- Dạ thưa bác, cháu hỏi thế là vì cháu quí bác, vì bác như bố cháu thôi ạ! Vậy....

Ông Hoàng vội xua tay, nói:

- Không! Không sao cả! Bác phải cảm ơn cháu chứ. Quan tâm đến nhau như người ruột thịt sao lại có lỗi? Chỉ có điều... cuộc đời một con người dài lắm cháu ạ; người nào cũng phải nếm trải ngọt bùi, gian truân, cay đắng... Có sự cay đắng có thể nói được với nhau cho vợi bớt nỗi lòng, nhưng cũng có những nỗi đau phải vùi sâu chôn chặt...

Nói đến đây, ông Hoàng nấc lên, hai bàn tay ôm chặt vào mặt. Tôi chẳng hiểu sự việc ra sao, thành thử cứ ngây ra như người bị dại. Lúc sau bình tĩnh lại, ông Hoàng ngồi gần vào tôi thân mật nói:

- Cháu có muốn nghe truyện cổ tích không?

Thấy không khí nặng nề quá, tôi liền nói:

- Dạ! Truyện cổ tích ạ? Ngày bé còn ở Hà Nội cháu có được nghe; bây giờ lớn rồi cháu vẫn thích nghe.

- Thế cháu được nghe những chuyện gì rồi?

- Dạ!... Truyện Tấm Cám, truyện Sọ Dừa, truyện Bàn Vương...

- Thế thì cháu cũng là người biết được nhiều chuyện rồi đấy! Bây giờ bác kể cho cháu nghe một chuyện mà cháu chưa được nghe bao giờ - truyện Cây gạo đốt đuốc:

Ngày xưa, đã lâu, lâu lắm rồi ở một vùng quê nọ - tận dưới đồng bằng ven biển, có một anh tá điền nghèo lắm - chỉ có một chiếc khố để che thân. Một hôm đi đánh giậm, anh ta gặp một cô gái mò cua. Cô gái này che thân bằng

một manh áo đụp. Cùng cảnh ngộ, họ quen nhau rồi nên vợ nên chồng. Họ dựng một túp lều tranh trên một gò đất hoang ở giữa cánh đồng. Nghèo đấy, nhưng cái nghèo càng làm cho tình cảm của họ thêm nồng ấm. Đến một ngày kia, bỗng dưng họ gặp một tai hoạ lớn - gò đất hoang ấy, lại thuộc vùng đất của một phú ông - phú ông đòi ăn vạ: không có tiền nộp vạ thì phải ở đợ suốt đời.

Một đêm tối tăm mưa gió, hai vợ chồng họ đành bồng con, gạt nước mắt, từ biệt quê hương, trốn lên miền sơn cước. Sẵn có sức khoẻ lại hay lam hay làm, nên họ đã khai khẩn được nhiều đất hoang thành ruộng nương cày cấy. Cuộc sống tốt đẹp quá, họ không còn ước mong gì hơn thế.

Bỗng một ngày đất nước có họa ngoại xâm, người chồng từ giã vợ con lên đường đánh giặc. Vì sự dũng cảm, nên người chồng được phong một chức quan nhỏ. Người vợ ở nhà tiếp tục khai khẩn đất hoang, dần dần trở thành người khá giả trong vùng. Dẹp xong quân giặc, chàng trở về thăm vợ con. Khi gần về đến nhà, chàng nghe được một tin như sét đánh - vợ chàng vì sự giàu có ấy đã phạm vào các luật lệ của triều đình. Ruộng vườn nhà cửa đã bị tịch thu, những người thân thích cũng bị liên luỵ. Lo sợ quá, người chồng trở về trại lính và từ đó dấu biệt tung tích của mình.

Người vợ ở nhà, sau khi bị tịch thu gia sản đành dắt con vào một khe núi tìm kế sinh nhai. Nỗi nhớ chồng lúc nào cũng như đống rấm âm ỉ trong lòng. Ngày tiễn chồng đi đánh giặc, nàng ôm con ra tận bến sông đốt đuốc lấy ánh sáng cho chồng sang sông. Đất nước thanh bình vẫn

chẳng thấy chồng về. Đêm đêm nàng lại ra bến sông để ngóng chồng. Ngóng mãi, đợi chờ mãi mà chẳng thấy bóng chồng, kiệt sức nàng gục xuống bến sông và trở thành người thiên cổ. Kì lạ thay, chính chỗ nàng gục xuống mọc lên một cây gạo. Một thời gian sau, cả dải cát ven sông mọc lên toàn là cây gạo. Mỗi độ xuân về, vào dịp nàng tiễn chồng sang sông đi đánh giặc, cây gạo lại bung hoa đỏ rực một góc trời - đó chính là ngọn đuốc nàng thắp lên để tiễn chồng.

Nói đến đây, bỗng dưng ông Hoàng bưng mặt nấc lên. Bị lây cảm xúc từ ông, tự dưng nước mắt tôi cũng giàn giụa. Lúc sau trấn tĩnh lại, thấy ông Hoàng vẫn ngồi im, tôi hỏi:

- Thưa bác, chuyện phải còn nữa chứ ạ?

- Ừ! Còn nữa - ông Hoàng gật đầu nói - truyện cổ tích bao giờ cũng kết thúc có hậu mà! Người vợ sau này được nhà vua minh oan. Nàng được phong thần - vị thần làm việc có ích cho đời. Đấy, cháu cứ ngẫm mà xem, trên cây gạo thứ gì cũng đều có ích cả. Chẳng hạn: Vỏ gạo, hoa gạo đều là vị thuốc quí; quả gạo ăn được, giúp người qua khỏi lúc đói lòng; bông gạo làm chăn đắp lúc mùa đông tháng giá...

Thấy ông Hoàng ngồi im, tôi hỏi:

- Thưa bác! Thế còn người chồng phụ bạc kia thì sao? Có bị trời trừng phạt không ạ?

Nghe tôi hỏi vậy, ông Hoàng vội nói:

- Không! Không phải thế! Người chồng ấy không phải là người phụ bạc... Nhưng bác nghĩ, giá như người chồng không vì một chút nghĩ đến riêng mình thì... thì... chắc cũng chẳng có chuyện này .

Đêm cũng gần về sáng, ông Hoàng và tôi đi ngủ. Người chồng trong câu chuyện cứ luẩn quẩn trong đầu tôi. Tại sao ông Hoàng lại có ý bênh người chồng?... Bất chợt một ý nghĩ loé lên trong tôi - người chồng có thể là chính ông Hoàng? Tôi hỏi về đời tư, sao ông Hoàng lại kể cho tôi nghe cổ tích? Tôi linh cảm đây chính là hoàn cảnh của ông. Bỗng tim tôi nhói lên - chả nhẽ ông Hoàng mà tôi luôn kính trọng lại như vậy chăng? Một cảm giác vừa kính trọng, vừa đau đớn xót xa, có chút xem thường ông Hoàng trong tôi cứ chập chờn. Tôi tự cảm thấy mình vừa như quan toà, vừa như thầy cãi. Có lúc tôi kết tội ông, nhưng có lúc tôi lại bênh vực ông... Tôi thiếp đi lúc nào không biết nữa. Bỗng bên tai tôi vang lên một lời thảng thốt: - Không!... không phải thế!... Người chồng không phải là người phụ bạc... Tôi choàng tỉnh dậy nhìn về phía ông Hoàng. Ông vẫn ngủ.

Người bạn đầu tiên tôi nghĩ tới, và muốn rủ cùng về Hà Nội là Bàn Văn Tắng. Tôi nghĩ đến Tắng trước, vì Tắng là người bạn đầu tiên tôi quen biết khi mới bị bán về đây; rồi lại vì hai đứa đều là con nuôi người Mán; tôi ở Hà Nội, Tắng ở Khoái Châu cũng gần nhau; tìm được nhà tôi chắc cũng tìm được nhà Tắng. Tôi đem ý nghĩ này nói với bố mẹ và nói với ông Hoàng, mọi người đều cho như thế là phải.

Tôi đi ngựa về Cốc Lụ gặp Tắng. Quen nhau đã lâu, nhưng do đường sá đi lại khó khăn, rồi do kháng chiến nên tôi và Tắng cũng mới chỉ gặp lại nhau mấy lần. Nhưng vì cùng cảnh ngộ, nên giữa chúng tôi có một tình cảm đặc biệt- mỗi lần gặp nhau là tay bắt mặt mừng. Tôi nói ý định muốn cùng Tắng về quê. Nghe tôi nói, Tắng thừ người, nước mắt ứa ra. Thấy bạn tủi thân, tôi cũng ngồi im, vê thuốc hút. Lúc sau, Tắng thở dài nói:

- Mình cũng muốn thế, nhưng ở quê không biết họ hàng có còn ai không? Với lại Khoái Châu chắc rộng lắm, biết quê mình ở chỗ nào? Còn mẹ mình... mình chờ mãi, chờ đến tận hôm nay vẫn chưa thấy bà quay lại. Mẹ mình thương mình lắm, còn sống chắc bà đã quay lại đây rồi... Nhưng dù sao thì mình vẫn cứ phải chờ...

Thấy bạn xúc động quá, tôi không nhắc đến chuyện về quê nữa. Chúng tôi ngồi uống rượu ăn cơm. Tắng gắp thức ăn, rót rượu cho tôi. Hai người như hai khúc gỗ đặt cạnh nhau. Uống được vài chén, bỗng dưng chúng tôi cùng khóc hu hu. Không ai nói ra, nhưng nỗi đau trong lòng thì đồng cảm. Bỗng dưng tôi nhớ đến câu nói của ông Hoàng: "Cuộc đời một con người dài lắm cháu ạ!..." Cuộc đời tôi đã có bao cay đắng, nhưng cuộc đời của Tắng còn cay đắng hơn nhiều.

Ngày trước, Tắng yêu Triệu Thị Láy - một cô gái đẹp lắm, đẹp nhất vùng Lũng Vài , Cốc Lụ. Người ta hay nói : *Hồng nhan bạc phận*, tôi không tin là như vậy. Nhưng riêng trường hợp của Láy thì lại đúng là như thế. Nhà Láy

có bốn người con- ba anh trai và Láy là con gái út. Ba anh trai đều đi hoạt động kháng chiến. Láy và Tắng yêu nhau. Sắp đến ngày cưới thì gia đình Láy gặp một biến cố khôn lường - trong một trận địch đi càn, không may cả ba anh trai Láy đều bị bắt. Hoàng Văn Thừa cho người đến nhà Láy nói : Nếu gia đình đồng ý gả Láy cho hắn làm vợ ba, thì hắn sẽ thả ba người anh trai ; nếu không đồng ý thì cả ba người này đều bị chặt đầu. Vì chữ hiếu, Láy chấp nhận làm vợ ba Hoàng Văn Thừa. Lấy được Láy rồi, Hoàng Văn Thừa thả ba người anh của Láy. Nhưng người anh cả bị đánh đập dã man quá đã chết trước khi được thả.

Tắng nuôi hy vọng một ngày nào đó sẽ trả thù được Hoàng Văn Thừa, và lấy lại được Láy. Nhưng Hoàng Văn Thừa là một kẻ gian ngoan, hắn đã ngầm đưa Láy sang Phong Thổ. Sau này, hắn bị cách mạng đưa đi cải tạo. Hắn đã trốn trại, đưa Láy vào Nam theo giặc. Bây giờ Tắng cũng đã có một gia đình đầy đủ, nhưng mỗi lần gặp nhau vẫn thấy trong lòng bạn còn nhiều điều day dứt. Tôi cầm tay Tắng nói:

- Ừ! Phải chờ thôi! Nhất định mẹ cậu sẽ tìm. Ngày mới gặp nhau tớ hỏi cậu: Sao người mẹ lại có thể đem bán con mình được? Cậu bảo: "Không! Mẹ tớ chỉ cho tớ, chứ mẹ tớ không bán tớ..." Ừ! Cho cũng còn có nghĩa là gửi. Nhưng nếu nói là gửi, thì cậu không thể trở thành con nuôi người Mán được. Người cưu mang cậu cũng chỉ nghĩ cậu là người ăn đậu ở nhờ thôi. Còn mẹ cậu nói là cho, thì cậu mới có cuộc sống như ngày hôm nay chứ. Nhưng cả cho và gửi, thì

không bao giờ bị mất con như người đem bán. Mẹ cậu là người thấu tình lắm! Một người mẹ như thế, nhất định sẽ tìm lại con mình. Lúc ấy, tớ sẽ xin mẹ cậu cho tớ được gọi bà bằng mẹ.

Tắng ngồi im nghe tôi nói. Chúng tôi không khóc mà sao nước mắt người nào cũng giàn giụa. Tắng lau khô nước mắt, nói to hơn:

- Bọn mình buồn cười thật đấy, đã ba mươi tuổi rồi còn gì? Thế mà còn khóc như trẻ con ấy nhỉ? Cậu khác, tớ khác phải không nào? Cậu thu xếp mà về Hà Nội đi! Về quê lên dù vui, dù buồn cũng phải cho tớ biết ngay đấy.

Phần hai

CÒN MÃI VỚI THỜI GIAN

Vòng đời của một con người có biết bao nhiêu chuyện. Nhưng không ai có thể nói hết được chuyện của cả cuộc đời mình. Tôi nghĩ, mỗi con người chắc chắn ai cũng có những chuyện mà lúc nào nó cũng canh cánh bên lòng. Bởi vậy tôi dành phần hai của tập truyện này để nói về những chuyện như thế của cuộc đời tôi.

1. Chuyện về phần mộ của Lê Hà

Ông Nguyên lúc còn sống cho tôi biết, sau khi Lê Hà bị thằng Chưởng chặt đầu, xác của anh được người của Ta mang đi mai táng. Sau này phần mộ của anh được tôi thường xuyên chăm sóc. Tôi quý anh như người ruột thịt, bởi ngay từ lần gặp bất ngờ ở trong rừng năm bốn bảy, bốn tám những cử chỉ ân cần của anh đã in đậm trong tôi không thể phai mờ. Ngồi bên anh tôi thấy mình như đứa trẻ, còn anh thì chững chạc như một ông giáo già đáng kính. Mơ ước lớn nhất của cuộc đời tôi là làm sao được như anh. Nhưng đấy chỉ là cái đã qua, còn hiện tại, những suy nghĩ về anh luôn là nỗi canh cánh trong lòng tôi. Gia đình anh có còn ai không? Hoà bình đã bao nhiêu năm rồi mà vẫn chưa thấy người của Ta trở lại, vậy người của Ta là ai?

Người của Ta còn nhớ đến anh không? Ở Lũng Vài này, ngoài ông Nguyên và tôi ra thì có còn ai biết được sự hy sinh của Lê Hà? Nếu người của Ta chôn cất cho Lê Hà là người Lũng Vài, thì người của Ta là ai? Làm thế nào để có thể đưa được di hài của anh về nghĩa trang liệt sĩ?

Sau ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước - năm 1975, chính sách về thương binh liệt sỹ được thực hiện, gia đình tôi nhận được giấy báo tử của đứa con đầu. Nỗi đau trong tôi không giấy bút nào có thể tả được. Nỗi đau ấy càng nhân lên gấp bội khi trong giấy báo tử ghi: "Hy sinh ở mặt trận phía Nam. An táng ở nghĩa trang đơn vị". Tôi ôm giấy báo tử vào lòng ngất đi... Tôi muốn đi tìm di hài của con tôi, nhưng mặt trận phía Nam mênh mông thế, biết nghĩa trang của đơn vị ở chốn nào ? Nhưng chuyện này cũng còn dài lắm, tôi sẽ trở lại ở phần sau. Quay lại với chuyện về Lê Hà, tôi nghĩ chắc giấy báo tử trong thời kỳ bí mật cũng không thể ghi rõ hơn địa điểm trong giấy báo tử như đứa con tôi. Vậy chắc chắn gia đình Lê Hà cũng không thể đến đây thăm lại phần mộ của anh và mang di hài về quê được.

Đến đầu những năm 90, nghĩa trang liệt sỹ ở các nơi đều được xây dựng lại. Mộ liệt sỹ các thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ và chiến tranh biên giới đều được qui tập. Điều này càng làm tôi suy nghĩ về trường hợp phần mộ của Lê Hà. Tôi lần tìm những người sống cùng thời với tôi ở vùng này trước năm năm mươi, có một vài người có biết chuyện thằng Chưởng chặt đầu một cán bộ người Kinh mang đi

Phố Lu đổi muối. Và họ cũng chỉ biết thế thôi, chứ cụ thể như tôi đã biết thì qua thăm dò, họ cũng không nói được gì hơn.

Lúc này, tôi cũng đã nghỉ hưu, không làm Trưởng ban Thống kê xã nữa. Lớp cán bộ già thời cải cách ruộng đất tôi được phục vụ cũng đã qua đời. Nhưng nếu họ có còn sống thì trong số họ cũng không ai biết. Lớp cán bộ xã bây giờ toàn là bậc con cháu mình cả, tôi phải gặp để nói cho họ biết về phần mộ của Lê Hà. Nhất định Lê Hà phải được truy điệu trọng thể, và phần mộ phải được qui tập về nghĩa trang của huyện. Mộ anh sẽ có bia, không phải là mộ liệt sỹ vô danh. Chí ít thì trên bia cũng ghi: *" Liệt sỹ Lê Hà, quê quán Hà Nội, hy sinh trong khi làm nhiệm vụ tại Lũng Vài "*.

Nghĩ trong bụng là vậy, nhưng đi nói cho người khác hay thì lại là chuyện khác. Chuyện thường đã khó, nay lại là việc công, việc chính trị nên lại càng khó hơn. Hơn nữa, tôi lấy tư cách gì mà đi báo cáo một việc hệ trọng này? Là nhân chứng của người dẫn đường cho Lê Hà ư ? Từ trước đến nay ở Lũng Vài này chưa có ai nghĩ về tôi như thế; là người biết việc này ư? - Vì tôi là chỉ điểm?- Từ trước đến nay nhiều người ở Lũng Vài vẫn nghĩ về tôi như vậy. Tôi không được kết nạp vào Đảng cũng vì chuyện này. Nay tôi đến xã báo cáo cụ thể về sự việc của Lê Hà, chắc chẳng có ai tin, mà có tin thì càng chứng tỏ tôi là người của địch, là chỉ điểm thì mới nắm rõ được như thế. Càng nghĩ, nỗi đau trong tôi càng dâng lên vô tận. Đắn đo mãi, cuối cùng tôi

vẫn quyết định đi gặp anh Phó Chủ tịch xã để nói cho anh biết sự việc này. Vì không muốn cho nhiều người biết, nên tôi đến thẳng nhà anh. Ở trong làng với nhau vẫn thường đến nhà riêng - như vậy vừa tình cảm, lại dễ nói chuyện.

Phó Chủ tịch xã, tính theo thứ bậc thì là cháu rể của tôi, năm nay khoảng 40 tuổi. Lớp tuổi này thì không ai biết được những chuyện xảy ra trước năm 1960, chứ nói gì đến trước năm 1950. Thỉnh thoảng có người kể lại, nhưng với họ chắc cũng chỉ để biết chứ không có ý nghĩa sâu nặng như lớp chúng tôi. Những chuyện về họ Bàn, về Hoàng Văn Thừa... không mấy ai nhắc đến nữa.

Đến nhà Phó Chủ tịch xã, tôi thấy trong nhà như vừa có việc phải làm cơm tiếp khách. Anh Quý - Phó Chủ tịch xã còn đang chuếnh choáng hơi men. Đây là việc bình thường thôi, ngày xưa tôi còn làm cán bộ xã cũng vậy. Thấy tôi vào nhà, anh Quý chào vồn vã:

- Chào bác Tiên! Từ ngày bác về hưu không thấy bác đi ra ngoài?

- Ừ! Cũng chẳng có việc gì phải đi. Quan trọng nhất là nhà có đủ lúa, ngô. Có nó là có mọi thứ. Bác nằm ở trên lán giúp gia đình trông nương lúa, nương ngô.

- Chúng cháu cũng bận quá, tuần ba buổi đến trực ở trụ sở; thỉnh thoảng lại ra huyện họp; đêm hôm công an xã chúng cháu lại thường hay có việc... nên chẳng mấy khi đi thăm các bác được - vừa nói anh Quý vừa với chai rượu rót ra mời tôi. Dạ! Cháu xin mời bác chén rượu ạ!

- Ấy, ấy! Tôi không uống rượu. Tôi bị bệnh đại tràng hơn 40 năm nay, vui lên uống tý rượu vào khổ lắm. Thôi, anh cho tôi xin chén nước là được.

- Vâng! Cháu cũng đã biết bác không uống được rượu. Nhưng trong làng đến nhà nhau mà không uống chén rượu thì khó nói chuyện lắm bác ạ. Mấy tháng trước, cháu cưới đứa con đầu, phải đi mời trước một tháng mới xong.

Quả thực đúng như lời anh Quý nói, mời cưới con phải mất một tháng cũng có cái lý của nó. Không phải mình viết thiếp rồi gửi vào nhà người ta là được. Ở trong làng trọng lời mời, chứ không trọng cái thiếp. Chủ nhà phải đích thân đi mời. Thủ tục cũng phải có đầu có cuối: Vào nhà phải chào hỏi, chào xong phải uống một chén rượu; đặt vấn đề về công việc nhà mình - uống một chén rượu; người được mời, họ nhận lời - uống một chén rượu. Như vậy, ít nhất đến mỗi nhà phải uống ba chén rượu. Mời được ba nhà, uống chín chén, như vậy cũng vừa đến độ say, phải về nhà nghỉ ngày mai lại đi mời tiếp. Mời hết người thân quen thì cũng vừa một tháng.

Tôi nhìn anh Quý vừa cười vừa nói:

- Ừ! Cái lý là như vậy, nhưng tôi là trường hợp cá biệt! Ngày còn đang công tác cũng được miễn rồi. Hình như nhà cũng vừa có việc phải không?

- Dạ! Cháu vừa tiếp mấy cán bộ an ninh ở trên cử về. Họ giúp mình cả tháng, hôm nay mới uống rượu với nhau và cũng là chia tay các anh ấy.

- Xã ta có vụ án gì hay sao mà phải nhờ công an ở trên về giúp? - Tôi hơi ngạc nhiên hỏi.

- Dạ! Không có vụ việc gì - anh Quý nói như giải thích - an ninh của xã ta thuộc vào diện tốt nhất huyện! Các anh ấy về giúp xã lập hồ sơ theo dõi các đối tượng chính trị... Không có tư liệu lắm lúc cũng bí bác ạ. Chẳng hạn cần xác minh đối tượng kết nạp Đảng, cũng không biết sờ vào đâu. Trước cách mạng với sau cách mạng chúng cháu làm sao biết được. Tất nhiên chúng cháu cũng được cấp trên quán triệt kỹ, chỉ có Bí thư Đảng bộ biết thôi - động chạm vào con người, vào lịch sử mà bác! Lập xong hồ sơ là trên mang đi luôn. Xã cần gì thì lên trên để hỏi - tài liệu tuyệt mật đấy bác ạ! Cháu là cán bộ đương chức cũng không được biết đâu. Họ hỏi trước năm năm mươi, có ai thông thạo các chuyện xảy ra ở Lũng Vài không? Chúng cháu nghĩ, thông thạo thì chỉ có ông Nguyên và ông Quan, nhưng cả hai đều là liệt sỹ. Cháu nghĩ mãi, cuối cùng thấy chỉ còn có bác là có thể nắm được. Cháu chỉ đường cho họ đến nhà bác, không biết họ có đến không?

Tôi như người vô cảm khi nghe những lời anh Quý nói. Không hiểu tôi được xếp vào loại đối tượng gì đây? Nghe Quý hỏi, đành lưỡng lự:

- Tôi suốt ngày ở trên nương, nên cũng không biết nữa.

Mà quả thật từ trước đến nay, chưa có ai hỏi tôi về những chuyện chính trị ở Lũng Vài. Lúc nào giữa tôi với

cán bộ ở xã này cũng như có một khoảng cách vô hình. Sau này kể cả với ông Hoàng là cán bộ hạ phóng cũng vậy. Ông và tôi đều coi nhau như người ruột thịt. Nhưng khi tôi hỏi ông là tại sao tôi không được vào Đảng, ông cũng trả lời chung chung: "Vào Đảng không phải cứ người nào tốt cũng vào được; nó phải có điều kiện khác nữa - chẳng hạn lý lịch phải trong sạch, rõ ràng... Chưa rõ ràng thì cần phải xác minh..."

Thấy anh Quý có vẻ ngấm rượu, thỉnh thoảng lại bịt tay vào miệng ngáp, tôi cũng muốn nhanh chóng kết thúc câu chuyện. Tôi nói:

- Anh Quý này! Tôi nghe được một chuyện cũng rất quan trọng, muốn phản ảnh với các anh.

Nghe thấy tôi nói vậy, anh Quí như choàng tỉnh.

- Dạ! Chuyện quan trọng ạ? Vâng, bác cứ nói đi!

- Chẳng là thế này: Trước năm 1950 ở xã ta có đồn Cổng Trời, bọn địch thường chặn bắt cán bộ cách mạng qua đây. Theo tôi được biết thì ở gần gốc Sẹt bản Khe Đanh có một mộ liệt sỹ, vậy xã có biết không? Bây giờ hoà bình thống nhất rồi, ở đâu cũng thấy xây nghĩa trang, qui tập mộ liệt sỹ. Tôi nghĩ các anh cũng phải báo cáo với huyện về việc này.

- Dạ! Quả thực là cánh cán bộ chúng cháu bây giờ không ai biết ạ! Nhân có đoàn cán bộ an ninh về đây công tác, họ mới phát hiện ra nguồn tin này. Nhưng mộ ở đâu? Người của đơn vị nào? Và cái căn bản là có đúng là cán bộ

Việt Minh không? Tất cả đều cần phải có thời gian để xác minh bác ạ! Chúng cháu cũng đã có báo cáo lên Phòng Thương binh - Xã hội huyện rồi. Hôm nay nghe bác nói là biết được địa điểm của mộ chí, vậy khi nào cần chúng cháu sẽ tìm đến bác.

Nghe anh Quý nói vậy, tôi mừng quá. Cái vô cảm trong tôi khi nghe có đoàn công tác về lập hồ sơ các đối tượng chính trị trong thời kỳ kháng chiến tan biến đi. Trên đường về qua mộ Lê Hà, tôi vén cây tìm vào, ba hòn đá kê trên mộ vẫn còn nguyên. Tôi quì gối trước mộ, chắp tay khấn: "Anh Hà ơi! Xã đã biết có một cán bộ Việt Minh an nghỉ ở Lũng Vài này rồi. Em sẽ là nhân chứng để anh sớm được qui tập về nghĩa trang liệt sỹ".

Năm tháng qua đi, lớp cán bộ này nghỉ, lớp cán bộ khác lên thay vẫn chưa thấy ai nhắc đến việc qui tập mộ của liệt sỹ Lê Hà. Quả thực việc này vượt quá khả năng của xã - bởi xã làm sao mà xác minh được. Không xác minh rõ thì làm sao có thể qui tập được. Tôi nghĩ cả huyện, cả tỉnh cũng vậy thôi, lớp cán bộ đương chức bây giờ toàn là những người sinh sau năm 1945 làm sao biết được những chuyện xảy ra vào thời gian ấy. Cán bộ kháng chiến như Lê Hà lại thường đi công tác độc lập, hồ sơ lưu trữ không có vậy biết cách xác minh thế nào? Còn tôi, tôi là người được biết sự việc xảy ra tại Lũng Vài, chứ không thể là người bảo đảm xác định toàn bộ sự việc. Vì ngay bản thân tôi, tôi cũng đang chờ được xác minh. Lắm lúc tôi tưởng sự việc này không còn chút hy vọng gì nữa. Tôi đến mộ Lê Hà

phát cây và xếp thêm những hòn đá to lên mộ. Hy vọng nhỡ tôi có mệnh hệ gì, thì dù có trải qua bao nhiêu năm tháng nữa, mộ của anh vẫn còn.

Thế rồi bỗng dưng một ngày đầu đông năm 1996, tôi thấy một đoàn người ăn mặc sang trọng đến vùng Gốc Sẹt. Trong đoàn có một bà già khoảng trên 70 tuổi, tóc bạc trắng như cước và một người đàn ông trung niên đi cùng; lại có cả cán bộ huyện, xã dẫn đường. Linh tính mách bảo tôi, đây chính là đoàn người đi tìm mộ Lê Hà. Tôi vội vã đi về phía đoàn người ấy. Lúc sau, dân Lũng Vài kéo đến rất đông - họ thấy lạ mà đến xem. Nhưng rồi mọi người cũng được cho biết, đoàn người này về đây tìm mộ liệt sỹ có tên là Lê Hà, bị bắt và bị giết tại Lũng Vài. Bà già tóc bạc kia là vợ Lê Hà; người trung niên kia là con trai của liệt sỹ. Nghe được thông báo, hai hàng nước mắt tôi ứa ra, hơi trong cổ đẩy lên ừng ực. Tôi lùi lại phía sau để kìm nén xúc động của mình. Đoàn người đang chụm đầu vào một mảnh giấy, rồi họ lại đứng quay ra chỉ trỏ như tranh luận. Tôi rẽ đám đông tiến lại gần nói:

- Tôi đã sống ở đây trong thời kỳ kháng chiến, có thể cho tôi xem tờ giấy ấy được không?

Anh Quý, trước đây tôi đến phản ảnh về sự việc này anh còn là Phó Chủ tịch, bây giờ anh đã là Bí thư Đảng uỷ xã, cũng có trong đoàn ấy. Thấy tôi, anh vội nói:

- Bác Tiên! Cháu đã cho người đi tìm bác. May quá, bác đã có mặt ở đây.

Nói rồi, anh đến chỗ người lạ đang cầm tờ giấy nói nhỏ điều gì đấy, rồi đưa tờ giấy cho tôi xem.

Tờ giấy bằng bàn tay, đã ố vàng, nó được kẹp vào một miếng bìa. Tôi có cảm giác nếu động vào thì nó sẽ vụn ra mất. Trên tờ giấy vẽ một số đường nét đơn giản như gốc sẹt, khe nước, bụi nứa, cạnh bụi nứa có một hình tròn đánh dấu nhân (X) ghi là: Mộ chí của Lê Hà. Tay tôi run run, cố kìm lại để không trào lên xúc động. Tôi xúc động vì bản sơ đồ mộ chí này nhất định phải do người của Ta vẽ, như ông Nguyên nói rồi. Người của Ta! Trời ơi! Đã gần 50 năm rồi. Xong việc, nhất định tôi phải gặp và hỏi ra cho rõ, tôi sẽ kể cho gia đình Lê Hà biết về sự hy sinh dũng cảm của anh. Tôi bình tĩnh diễn giải với mọi người trong đoàn:

- Sơ đồ này, đúng là ở chỗ này đây. Nhưng nhìn vào sơ đồ này thì không nhận ra được nữa. Từ năm 1948 chỗ này là đúng như trong bản vẽ. Nhưng ngày nay ngã ba con suối đã bị đổi dòng do lũ quét; các vật chuẩn khác đều đã thay đổi - cây Sẹt đã bị lốc làm đổ từ năm 1960, bụi nứa này không còn nữa. Nhưng cây Sẹt ở chỗ này, bụi nứa ở chỗ kia, đi chếch lên gần khe nước là mộ chí như trong sơ đồ này. Vừa nói tôi vừa chỉ và dẫn mọi người về phía ngôi mộ.

Sự thực thì tôi cũng không được trực tiếp mai táng cho Lê Hà, nên tôi mới nói "mộ chí theo sơ đồ" chứ không dám nói là mộ của Lê Hà. Bởi vì nếu là mộ của Lê Hà thì khi khai quật nhất định là không có đầu. Còn nếu có đầu thì không phải. Do vậy nếu tôi khẳng định đây là mộ của Lê

Hà thì mọi điều tôi nói trước đây đều là giả dối cả. Nhưng nếu tôi nói chung chung như trên thì vô tình tôi cũng chỉ là một người bình thường có nghe thấy sự việc mà thôi. Nghĩ vậy, tôi buồn quá. Tôi nhìn về phía bà vợ Lê Hà, bà phúc hậu quá! Một tay bà cầm bó hương, còn tay kia cầm chiếc khăn luôn luôn ấp vào chấm nước mắt. Tủi thân quá, tôi cũng rân rấn nước mắt. Tôi tiến lại gần bà nói - nói để cho bà biết, nói để cho người Lũng Vài hiểu là tôi biết rõ những chuyện này:

- Thưa chị! Em xin được nói cho gia đình biết một chuyện đau lòng. Lẽ ra là không nên nói, nhưng không nói, nhỡ ra có sự lầm lẫn lại càng đau lòng hơn chị ạ!

Thấy tôi nói vậy bà nấc lên, người rũ ra tựa vào người con trai. Người con trai Lê Hà nhìn tôi nói:

- Dạ! Nếu chú biết được điều gì xin chú cứ nói ạ. Đã gần 50 năm nay, mẹ cháu đã đau khổ đến tột cùng rồi, bây giờ tìm được bố cháu nằm đây rồi thì dù có đau buồn đến mấy gia đình cháu cũng chịu đựng được.

Tôi vén tay áo chấm nước mắt nói:

- Thưa chị, em được biết ngày ấy cán bộ Việt Minh qua đây nếu bị bắt thì đều bị chặt đầu mang đi đổi muối. Nếu đào lên mà... thì mới đúng là mộ liệt sỹ.

Tôi cố tình nói chữ "mà" thật dài để thay cho những từ "không còn đầu". Dù biết trước là sự đau khổ sẽ lên đến vô cùng, nhưng tôi vẫn phải nói, vì đây có lẽ là cơ hội cuối cùng để tôi làm vợi đi một nỗi canh cánh bên lòng.

Mọi công việc tìm kiếm mộ chí của Lê Hà đã xong. Di hài anh được phủ cờ Tổ quốc và được đưa về an táng tại nghĩa trang liệt sỹ quê nhà. Tôi đến bàn thờ thắp nén hương tiễn biệt anh. Với tôi thì tôi chưa toại nguyện, nhưng với Lê Hà thì lòng tôi thanh thản quá.

2. Chuyện cái xích sắt

Sau khi tên Bàn Văn Lượng bị xử tử, có một đoạn xích sắt vất lại trên người hắn. Sợi xích này dùng để xích nó, nhưng không dùng đến, vì nó bị bắn ngay tại chỗ. Khi đi chôn hắn, tôi cũng vất luôn xuống huyệt. Ở phần Một, tôi có nói là: Chi tiết này không ngờ sau này lại rất phức tạp. Tôi xin nói tiếp ở phần này.

Mọi sự việc xảy ra từ trước những năm năm mươi ở Lũng Vài này đã đi vào lịch sử cả rồi. Chỉ có điều lịch sử ở đây không có ai ghi vào sách để lưu truyền, mà chỉ là truyền miệng. Nhưng không phải việc gì cũng truyền miệng công khai rộng rãi. Có những chuyện như sự hy sinh của Lê Hà thì chẳng có ai biết mà truyền; còn như chuyện chiếc dây xích sắt đem chôn cùng thằng Lượng thì chỉ truyền miệng trong một số ít người họ Bàn mà thôi. Nhưng kể cả những việc được lưu truyền thì cũng không chân thực, mà nó phụ thuộc vào đối tượng có liên quan đến sự việc. Nên cùng một sự việc, nhưng lại có nhiều cách lí giải khác nhau.

Trước những năm 1960, những dòng họ có người theo Pháp, theo bố con thằng Chưởng ở Lũng Vài thường bị kỳ

thị trong cuộc sống. Bản thân họ cũng tự thu mình lại như con nhím lúc bị đe dọa. Thời kỳ đầu xây dựng hợp tác xã, họ cũng xa lánh không vào. Con em họ hầu hết là mù chữ. Sau năm 1965, trong cuộc sống bình thường tôi không còn thấy có sự cách biệt - họ cũng đã vào hợp tác xã, con em đã đi học và nhiều người đã được gọi đi nhập ngũ; Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ họ cũng tham gia. Tất nhiên là cán bộ của xã thì trong số họ không được tham gia. Tôi là trường hợp đặc biệt - tôi bị nghi ngờ là người hai mặt, vừa làm việc cho Pháp vừa làm việc cho ta. Tôi làm thư ký cho xã trong thời kỳ kháng chiến, và sau năm 1960 tôi làm Trưởng ban Thống kê. Đặc biệt cũng là vì trước đây duy nhất cả xã chỉ có tôi là người biết chữ Quốc ngữ; duy nhất chỉ có tôi thông thạo cả tiếng Mán và tiếng Kinh; công việc gì của xã cũng cần đến tôi. Nhưng cũng đặc biệt ở chỗ tôi biết một chút tiếng Pháp nữa, và từ lời buộc tội bóng gió của bà Nguyên mà cả đời tôi mang tiếng là chỉ điểm, là có làm việc cho Pháp; tài liệu của bọn phỉ thu được ở nhà ông Tinh, lại ghi là tôi được giữ lại làm thư kí cho chúng. Nên cho dù tôi được sử dụng, nhưng giữa tôi với cán bộ xã, huyện bao giờ cũng có một khoảng cách. Những nhà họ Bàn trước đây có người làm việc cho Pháp, họ lại hay gần gũi tôi - chắc họ cho là tôi cũng như họ. Điều này càng làm cho tôi bất lợi. Trước đây bố tôi còn sống, ông luôn là nguồn động viên an ủi tôi. Bây giờ tôi tự an ủi mình: Đời người còn dài lắm, nhất định người của Ta phải trở lại Lũng Vài; rồi "***Im lặng là vàng***" - cách xử thế của cổ nhân, luôn được tôi tâm niệm.

Năm 1976, một hôm tôi đang nghỉ một mình trên lều nương thì Bàn Văn Năng đến - Năng là con Bàn Văn Lượng. Nó ít hơn tôi gần hai chục tuổi, nhưng nó gọi tôi bằng anh. Vì theo vai vế trong làng thì tôi phải gọi ông Lượng bằng chú. Sau khi thằng Lượng bị xử thì nó mới sinh. Nhưng nó là con nên mọi chuyện về bố nó, nó đều biết cả. Chỉ có điều đây là lịch sử truyền miệng, nên mỗi người trong hoàn cảnh khác nhau thì truyền lại khác nhau. Nó bước vào lều, trông mặt nó dài ngoẵng; cái cằm nhọn hoắt, vểnh lên như chọc ra ngoài cái mặt; mắt không bao giờ nhìn yên vào một chỗ; chân đi rón rén như không bám đất. Nhìn nó tôi lại nghĩ đến thằng Lượng, nên bao nỗi uất ức trong người trào lên. Vào đến cửa lều, hai tay nó vịn vào cửa, mắt liếc lộn trong lều, chào tôi:

- Ây à! Em chào anh!

Nhìn dáng người nó như tạc thằng Lượng, nên những nỗi uất từ xa xưa trong tôi như dòng thác chảy về. Khi nghe nó mở mồm ra nói, lại cái giọng ây à như bố nó, tôi lại càng uất hơn, nên cố nén bực tức nói:

- Ây à! Ây à cái con khỉ gì? Mày không có việc hay sao mà nửa buổi lại đến đây?

- Ây à! Ông anh dạo này hắc quá đấy! - Nó có vẻ phớt đời nói - sao ngày còn làm cán bộ, lại không thấy hắc như vậy? Hay là...?

Tôi không kìm được nữa, quát vào mặt nó:

- Lếu láo! Mày cút mẹ mày đi cho tao nhờ!

- Ơ hay! - Nó vẫn bình tĩnh nói - cái anh này! Em cất công cất buổi đến đây là để nghe anh chửi à? Ít ra, anh cũng phải hỏi là: Mày đến đây có việc gì chứ? Chả nhẽ anh chửi em mà em không biết chửi lại anh hay sao?

Nghe nó nói có lý, nghĩ mình bực vô lối quá nên tôi xuống giọng:

- Ừ! Thì mày đến đây có việc gì?

- Có việc của em và có cả việc của anh.

- Thế thì nói đi!

- Không nói được nữa!

Thấy nó nói vậy tôi càng lộn ruột, ẩy vào vai nó và nói:

- Thế thì mày đi đi! Có chuyện mà không nói được thì đến đây làm gì?

- Đến để nói chuyện - nó nhìn lên trần nhà, vẫn vẻ phớt đời nói - nhưng là nói chuyện quan trọng! Nói chuyện với người tử tế! Còn như anh bây giờ thì không nói được nữa.

Thấy thái độ của nó khác thường, tôi lại càng thấy mình vô lý quá. Đúng là "Giận cá chém thớt" - tôi giận bố nó, nó có biết gì đâu? Tôi bình tĩnh lại vẻ xuề xoà:

- Thật à? Tao không tử tế thật à? Đúng là mày đến vào lúc tao đang giận! Nếu có chuyện thì đun nước uống đã; tý nữa uống với tao chén rượu.

Thấy tôi nói vậy, Năng lại trở về trạng thái ban đầu. Nó lại dề dà:

- Ây à! Anh em với nhau thì phải thế chứ!

Nó nhìn trước, nhìn sau rồi nhích lại ngồi gần tôi. Thấy cách nhìn len lén của nó, tôi lại sinh nghi. Nhưng vì nó bảo có cả chuyện của tôi nên đành nén lòng lại nói:

- Này! Uống nước đi. Uống một chén rượu này nữa. Rượu nấu từ cây đao rừng đấy .

Tôi chờ nó uống xong, mới hỏi tiếp:

- Thế việc của chú là gì? Việc của tôi là gì? - Tôi cố gắng dùng chữ *Chú* và chữ *Tôi* để cho câu chuyện có tình hơn.

- Ây à! - Nó vừa gãi tai vừa nói - một mà hai, hai mà lại là một anh ạ!

- Thôi! Có chuyện gì, chú cứ nói ngay đi, vòng vo mãi tôi sốt ruột lắm.

- Ây à! - Nó lại dề dà gãi tai, gãi gáy nói - biết nói thế nào bây giờ nhỉ? Ây à!... Vừa rồi anh có thấy một tổ công an về xã mình cả tháng không?

Tôi đã linh cảm thấy nó định nói điều gì rồi, vì mấy hôm trước đến nhà Phó Chủ tịch xã tôi cũng đã biết. Tôi không muốn dính dáng vào chuyện của bố nó, vào chuyện của họ Bàn nên nói:

- Tôi ở trên lều nương này làm sao biết được. Với lại đã về hưu rồi, biết để làm gì?

Nghe tôi nói vậy, nó cũng nói cứng:

- Anh không biết thật, hay là cố tình không muốn biết?

- Tôi không biết thật! Và cũng không muốn biết để làm gì?

Nó nhìn tôi lắc đầu:

- Không đơn giản vậy đâu? Chuyện từ trước năm năm mươi - lúc đó còn chưa có em cơ. Vậy lúc đó anh và bố em đã làm gì?

Tôi biết nó muốn dẫn dắt câu chuyện đi đến kết cục gì, nên gay gắt:

- Tao chẳng làm gì với bố mày cả. Bố mày đi một đường, tao đi một đường hiểu chưa? Có điều con đường của bố mày thì đã rõ, còn con đường của tao thì bị mây mù che khuất!

Nó nhìn tôi thở dài nói:

- Không có lửa, sao có khói? Người ta nói đầy ra kia. Lại còn ghi vào sổ đen nữa chứ!

- Láo! - Tôi giận dữ - bọn mày làm sao biết được? Người ta, người ta là ai?

- Cái đó không quan trọng! - Nó nhìn tôi vẻ kiên quyết- quan trọng là có liên quan như thế nào?

- Bà Nguyên nói với mày phải không?

- Đúng! Bà Nguyên là vợ ông Nguyên - ông Nguyên lại là cán bộ kháng chiến, là liệt sỹ. Vậy bà Nguyên nói phải đúng chứ!

Tôi thật sự choáng váng. Lời nguyền rủa của bà Nguyên với tôi từ năm 1948, nay đã gần ba mươi năm rồi nó vẫn còn đeo đẳng. Tôi bóp trán, gục đầu xuống. Nó nhích lại gần tôi động viên:

- Thôi anh ạ! Buồn làm gì? Mình phải làm một cái gì cho xứng đáng với người đã khuất chứ? Đã từ lâu, em muốn tìm ra kẻ đã giết bố em. Gần đây nghe bà Nguyên nói, em mới biết anh đã từng.... cùng với bố em...

- Mày im đi! - Tôi quát vào mặt nó - mày biết để làm gì?

Tôi quát vậy, tưởng nó sẽ im đi không nhắc đến chuyện này nữa. Không ngờ nó lại bổ phục xuống trước mặt tôi vái như tế sao:

- Trời ơi! Đất ơi! Đúng là bố em linh thiêng nên đã run rủi đưa em đến gặp anh. Nói vậy, nghĩa là anh đã biết kẻ giết bố em thật rồi. Trời ơi! Đã bao năm nay, em đã linh cảm ra điều này, vậy mà em không dám hỏi anh. Trời ơi! Gợi lại điều này, em biết anh sẽ rất đau buồn. Nhưng anh em mình phải rửa hận, phải trả lại cái đau buồn này cho chúng nó anh ạ!...

- Mày lảm nhảm cái gì vậy? - Tôi ngắt lời nó - mày có im đi không? Không ai làm lại lịch sử được đâu. Lịch sử như thế nào thì phải tôn trọng nó. Hai bố con tao còn đi chôn bố mày, sao tao lại không biết sự việc như thế nào. Có điều những cái đã lọt vào tai mày đều là giả dối cả. Đừng bới cứt ra mà ngửi nữa. Mày muốn biết sự thật thì

tao nói cho mày biết: Bố mày và tao không cùng một ruộc đâu; toà án cách mạng đã xử bố mày; người thi hành bản án là các chiến sỹ an ninh. Bố làm bố chịu, con làm con chịu, không ai bắt mày phải gánh tội cho bố mày đâu. Mày là hậu sinh đừng có làm càn. Mày nghe lời xấu nên mới mù chữ, nên tối tăm đầu óc. Con mày bây giờ có khác con ai không? - Nó cũng đến trường, cũng quàng khăn đỏ, cũng đi viếng nghĩa trang liệt sỹ, cũng vào đoàn thanh niên... Mày đừng nhuộm màu đen cho nó thành con cuốc chui lủi nữa. Còn tao, tao biết việc của tao làm là như thế nào. Bây giờ người ta chưa hiểu, nhưng nhất định có ngày mọi người sẽ hiểu. Bác ruột tao là nhân sỹ yêu nước; hai anh tao là liệt sỹ; con trai tao cũng là liệt sỹ, tao phải xứng đáng với họ chứ ...

Tôi nói sa sả như chửi vào mặt nó, vậy mà hai hàng nước mắt tôi ứa ra. Đã gần ba mươi năm công tác, nhưng lúc nào tôi cũng hì hụi với công việc - chỉ biết làm mà không nói. Hôm nay tự dưng tôi lại buột miệng nói ra. Thấy tôi nói gay gắt, thằng Năng cũng không phản ứng kịp. Nó ngồi thừ ra, vân vê mãi điếu thuốc lào trong tay mà không hút được. Mãi hồi lâu sau, nó mới lí nhí:

- Đành rằng là cách mạng xử bố em, nhưng cũng phải có người Lũng Vài mình tham gia chứ? Cùng là người Mán cả sao lại hại nhau? Người Mán mình không làm thế đâu. Đời này không trả thù được thì đời con cháu vẫn phải trả thù. Dù sao thì anh vẫn là người Kinh, còn em là người Mán mà!

Thấy nó nói vậy, tôi biết nếu mình dù có uy lực nó cũng chẳng chịu. Đằng này tôi lại là một người bình thường. Tôi dùng lời lẽ nhẹ nhàng, mong rằng nó đừng có làm càn:

- Năng này! Lúc nãy anh quá tự ái mà nói căng như vậy. Chú phải thông cảm cho anh. Nói đến chuyện cũ, trong lòng anh bức bối lắm! Nó không đơn giản như chú nghĩ đâu. Tốt nhất là không nên khơi lại chuyện cũ nữa. Cái cũ nó là gì? Nó như thế nào? Nên để nguyên như thế. Nên để dành tâm trí của mình cho cuộc sống hôm nay và cho con cháu... Như chú nghĩ thì nó cũng có cái lý đúng của nó. Không nhắc lại chuyện cũ, không có nghĩa là phải quên hết mà phải biết nó đến tận ngọn ngành để đối nhân xử thế cho đúng. Nhưng chú bảo người Mán mình không làm hại nhau, trong trường hợp này là không đúng. Bố con thằng Chưởng dẫn Pháp về làm hại dân Lũng Vài như thế nào chú có biết không? Ai sát hại ông Nguyên, ai chặt đầu cán bộ đi đổi muối chú có được nghe không? Còn ai đã tham gia cùng cách mạng xử ông Lượng ư? Đúng! Chú nói rất đúng, Lũng Vài mình phải có người phát hiện ra bố chú làm chỉ điểm; phải có người dẫn đường cho chiến sỹ an ninh. Họ chính là những người như ông Quan, ông Nguyên và những người dân có tấm lòng vàng âm thầm phục vụ cách mạng. Họ đều là những người cao cả, chú không động vào được đâu. Nói như vậy, không phải là tôi phủ nhận ý nghĩ của chú, mà muốn làm cho rõ thôi. Trong một cuộc chiến bao giờ chả có hai phe. Mỗi phe lại phải có biết bao

nhiêu người ủng hộ nó chứ. Nhưng cuộc chiến chấm dứt thì thù hận phải đẩy vào dĩ vãng chứ, để còn nghĩ cách mà làm ăn. Ai cũng đòi trả thù thì phải trả thù đến bao giờ mới hết. Chẳng nói đâu xa, tôi lấy ví dụ ngay tại Lũng Vài này: Chú có thấy con cháu ông Nguyên, ông Quan đòi tìm trả thù những người đã làm hại các ông ấy chưa? Mặc dù họ biết chắc chắn đấy là những người họ Bàn theo bố con thằng Chưởng, trong đó có cả ông Lượng là bố chú. Vậy mà chú có thấy họ trả thù chú không? Người đáng bị trả thù là họ Bàn nhà chú, sao chú không hiểu, lại còn đòi đi trả thù người khác? Thù hận không làm cho con người sung sướng đâu chú ạ! Con người ta cần nhất cái tình, thứ đến là hạt gạo, củ khoai, là manh quần tấm áo. Thiếu gạo thì còn mua, còn xin nhau được, thiếu cái tình thì con người và con vật cũng giống nhau... Thôi, anh nói với chú như vậy là hết tình hết nghĩa rồi .

Thằng Năng không nói gì thêm, nó cầm chai rượu tự rót ra uống thêm vài chén nữa. Nó thở dài, mặt đanh lại, đầu gật gật nói:

- Ừ! Cứ biết thế đã!

Việc thằng Năng đòi trả thù cho ông Lượng rồi cũng bẵng đi. Những năm sau thỉnh thoảng nó có đến chơi với tôi, nhưng cũng không thấy nó nhắc đến chuyện cũ nữa. Bỗng dưng tới năm 1992, gia đình thằng Năng nhận được một lá thư gửi từ bên Pháp về. Trong thư viết toàn bằng chữ Pháp nên không ai đọc được. Thằng Năng mang đến nhờ tôi đọc giúp. Trước năm 1942 tôi có được học đến quãng

lớp bốn như bây giờ và có được học tiếng Pháp. Nhưng vì đã gần năm mươi năm rồi, nên tôi cũng chả còn nhớ được là bao. Tôi bập bõm nhẩm đi nhẩm lại như người đánh vần, và suy ra ý từ rồi chắp nối lại với nhau. Lá thư do một người gửi về từ một khu phố ở Pa-ri, tên là Henri - Bàn. Một cái tên nửa Tây nửa Việt. Nghĩa là tên Tây là Henri, còn tên Việt là Bàn - tức là một người Pháp gốc Việt có họ Việt là Bàn. Đọc được một đoạn thì tôi nhận ra đây chính là lá thư của Bàn Văn Chưởng. Năm 1955 nó hoạt động phỉ và đưa quân phỉ về Lũng Vài. Toán phỉ này bị quân ta tiêu diệt, thằng Chưởng đã trốn thoát. Ai cũng nghĩ là nó đã chạy trốn vào trong Nam, không ngờ nay nó lại ở tận bên Pháp. Lời lẽ trong thư cũng bình thường, đại để: Đã có vợ là người Pháp và đã có con; rất nhớ quê hương Lũng Vài; hỏi thăm sức khoẻ mọi người; gửi về cho thằng Năng một cái xe đạp. Tôi nói lại đầu đuôi cho thằng Năng nghe. Nó phấn khởi ra mặt, trông như đứa trẻ. Tôi không hiểu là nó mừng vì nhận được tin của người nhà ở phía trời Tây kia, hay là nó mừng vì được một cái xe đạp nhãn hiệu của Pháp?

Thằng Năng cùng mấy người nữa ra bưu điện nhận chiếc xe đạp. Chúng nó vào quán đánh chén say lướt khướt rồi mới về nhà. Về nhà chúng lại mổ lợn để liên hoan. Tính ra số tiền chúng chè chén còn nhiều hơn tiền mua cái xe đạp ấy. Rồi chúng lại nghe được cái tin gió, tin vịt từ đâu phát ra rằng: Người Pháp sẽ trả lương cho những người trước đây có làm việc cho Pháp. Chúng làm đơn đòi xã xác nhận. Xã không xác nhận, chúng kéo đi lên tỉnh xin xác

nhận. Thật chẳng còn hiểu ra làm sao nữa. Làm gì có xã nào, huyện nào, tỉnh nào lại xác nhận thời gian đi làm việc cho giặc của một thằng phản động? Thế mà chúng vẫn cứ đi.

Mấy ngày sau, chúng cải táng và làm ma khô cho Bàn Văn Lượng. Vì tên Lượng lúc chết chưa được làm ma. Việc này chúng làm bí mật nên chẳng mấy người biết. Mà sự thật thì tên Lượng cũng đã bị xử gần năm mươi năm rồi, còn ai biết nữa. Trước lúc cải táng, chúng chụm năm sáu khẩu súng hoả mai lại bắn một loạt. Trên đường đưa hài cốt về chỗ chôn mới, chúng lại vừa đi vừa bắn. Dân trong vùng thấy lạ, họ đứng xem chứ thực sự họ cũng không hiểu sự việc thế nào.

Thấy việc làm của thằng Năng chướng mắt quá, lấy danh nghĩa là anh, tôi đến để định khuyên giải nó vài câu. Đến nơi, tôi thấy thằng Năng đang sắm sửa lễ cúng. Nhìn lên bàn thờ, thấy một sợi xích sắt đã hoen gỉ, được rửa sạch, đặt trên một chiếc đĩa men. Tôi nhận ra đó chính là đoạn dây xích mà các chiến sĩ an ninh định dùng để trói thằng Lượng, khi chôn nó tôi đã vứt xuống huyệt. Tôi ngẫm lại mới thấy sự đời thật không đơn giản - khi mà sự việc đó lại động chạm đến con người. Thấy sự việc diễn ra như vậy, nên chẳng còn gì để nói nữa, tôi uống chén nước rồi cáo từ để ra về.

3. Những tấm lòng nhân ái

Cuối năm 1998, tôi nghe được tin: Sang năm 1999 sẽ kỉ niệm 50 năm ngày giải phóng vùng Đông Bắc. Biết được

tin này, tôi mừng quá. Mừng vì nghe nói về dự lễ kỷ niệm có cả các cựu chiến binh đã trực tiếp đánh trận Phố Ràng - gọi là về thăm chiến trường xưa. Biết đâu trong số này lại có cả người Đại đội trưởng - người mà tôi đã được mượn quần áo Mán cho anh mặc, đóng giả người Mán gánh bí đao vào đồn bán cho giặc để trinh sát; người mà tôi được dẫn đường trong suốt thời gian chuẩn bị trận đánh. Biết đâu trong số này lại có cả người của Ta như ông Nguyên đã từng nói với tôi. Và cái quan trọng nhất là có thể tôi sẽ nhận ra người của Ta chăng?

Tôi thấp thỏm chờ đến ngày lễ kỷ niệm như đứa trẻ chờ mẹ đi chợ về. Nỗi thấp thỏm của tôi không ai biết được. Nhưng với riêng tôi thì như có một điều gì biến đổi khác thường. Tôi linh cảm được những điều tốt lành sẽ đến. Ký ức của những ngày được làm cơ sở cho Việt Minh như dòng thác lũ cuồn cuộn chảy về, tôi có cảm giác như nó vừa xảy ra ngày hôm qua thôi. Hôm thắp nén hương trước di hài của Lê Hà tôi có khấn thầm rằng: "Anh Hà ơi! Với anh thì lòng em thanh thản quá, nhưng còn với em thì vẫn chưa trọn vẹn". Gần đến ngày lễ, tôi tha thẩn ra phần mộ cũ của Lê Hà, những hòn đá xếp trên mộ năm xưa vẫn còn. Tôi nghĩ: Chắc hồn của Lê Hà vẫn quanh quẩn đâu đây thôi! Tôi lại quì xuống trước những viên đá ấy và khấn: "Anh Hà ơi! Anh có linh thiêng thì về phù hộ cho em. Người của Ta là ai, anh run rủi cho em gặp nhé..." Khấn cho Lê Hà xong, tôi thấy người lâng lâng, nhẹ bẫng! Tôi thầm mong sẽ được như vậy. Và nếu nó trở thành hiện thực

thì tôi sẽ ôm lấy Đại đội trưởng, ôm lấy người của Ta mà khóc. Tôi sẽ khóc như đứa trẻ, và khóc vì cuộc đời này đẹp quá!

Thế rồi ngày kỷ niệm chiến thắng vùng Đông Bắc đã đến. Bí thư Đảng uỷ và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Lũng Vài được mời đi dự. Tôi không phải là đại biểu, nhưng tôi cũng đến từ chiều hôm trước. Mục đích chính của tôi là tìm lại người của Ta và tìm lại người Đại đội trưởng năm xưa đánh trận Phố Ràng.

Thị trấn vùng Đông Bắc, tôi không còn nhận ra được nữa. Tôi thực sự bị choáng ngợp bởi những sự thay đổi đến kỳ diệu về diện mạo của nó. Cách đây 50 năm chỉ là một dãy nhà tranh bám lấy triền sông, nay nó đã như một đô thị thu nhỏ - trung tâm phố huyện cũng chẳng kém gì những khu buôn bán ở các thành phố, thị xã; đường trục chính rộng thênh thang, được rải thảm bê tông nhựa; hai bên có vỉa hè, có điện đường; đầu phố huyện trước đây là bến đò ngang, nay nó được thay bằng một cây cầu treo bắc qua sông Chảy. Cây cầu lung linh trong nắng chiều, vạch vào không gian một đường cong huyền diệu. Tôi đứng trên cầu treo, gió nồm nam lồng lộng, bỗng thấy tâm hồn thanh thoát quá. Không gian thoáng đãng, tôi ngắm cảnh hiện tại và nhớ lại dấu tích xưa. Trên đồn giặc, ngày xưa là nhà lính, bốt gác, bây giờ là Đài tưởng niệm các liệt sỹ, đã chiến đấu và hy sinh tại nơi đây. Đài tưởng niệm uy nghi, sừng sững như tạc vào bầu trời.

Tôi quay về trung tâm thị trấn, trở lại với thực tại của sự chuẩn bị cho ngày mai - ngày diễn ra buổi lễ. Hai bên đường phố rực đỏ sắc cờ, biểu ngữ. Tôi theo con đường chính để lên đài tưởng niệm. Một chị phụ nữ trạc tuổi trung niên cùng theo hướng đi với tôi. Chị ta nhìn tôi và nói:

- Bác cũng là đại biểu về dự lễ 50 năm giải phóng vùng Đông Bắc ạ?

- Không! Tôi không là đại biểu. Tôi là dân Lũng Vài. Ngày xưa, tôi được chứng kiến sự kiện lịch sử này. 50 năm rồi, đây là lần đầu tiên kỷ niệm chiến thắng, nên tôi phải về xem.

- Ở đây cũng có đồn Pháp hở bác?

- Có! Ngay trên đỉnh quả đồi này - tôi hơi ngỡ ngàng nhìn chị ta - thế chị là người ở đâu? Năm nay bao nhiêu tuổi?

- Dạ! Cháu là người sinh ra ở đây. Nhà cháu ngay dưới chân đồi này. Cháu sinh năm sáu mươi bảy.

- Thế sao chị lại không biết là trên quả đồi này có đồn Pháp? Chị không biết thật chứ?

- Dạ! Cháu không biết thật mà! Cháu còn trồng rau lang để nuôi lợn ở trên này mà! Từ trước đến giờ có ai nói đâu mà chúng cháu biết. Mấy tháng trước thấy bảo xây đài tưởng niệm, thấy chuẩn bị kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng thì chúng cháu mới biết.

Thế rồi tôi nói cho chị ta nghe về trận đánh; về ý nghĩa việc giải phóng vùng Đông Bắc như thế nào...

Có lẽ thấy tôi nói thông thạo, nên chị ta từ hỏi chuyện bình thường, chuyển sang nhìn tôi ngỡ ngàng, kính nể.

- Dạ! Thưa bác, bác là người Dao tận Lũng Vài sao bác lại nói thông thạo thế? Ở đây bây giờ toàn là dân ngụ cư tứ xứ, nên chả ai nói được như bác. Vậy bác có quen ai trong số bộ đội về giải phóng vùng Đông Bắc không ạ?

Chị ta hỏi vậy, tôi thấy phấn khởi quá. Vì nếu gặp được Đại đội trưởng hoặc người của Ta và họ cũng nhận ra tôi thì có lẽ sự sung sướng của cuộc đời tôi sẽ lên đến tột đỉnh - với tôi không gì có thể so sánh được. Tôi cười, nhưng rồi lại thấy chạnh lòng - nhỡ ra họ cũng đã trở thành người thiên cổ như Lê Hà, như ông Nguyên, ông Quan thì sẽ thế nào đây? Tôi nhìn chị ta buồn rầu nói:

- Có! Có biết, có quen mà cũng có thể thành ra không biết, không quen!

- Sao lại như thế được ạ? Thực tình cháu không hiểu câu nói của bác đâu ạ!

- Cũng dễ hiểu thôi cháu ạ! Đã năm mươi năm rồi còn gì? Năm mươi năm so với đời một con người thì nó dài lắm! Người thường như mình làm sao biết được sự việc thay đổi thế nào? Họa chăng chỉ có nhà tiên tri mới biết được. Đấy, đồn Pháp ở ngay dưới chân mình đây, cháu sinh ra ở đây mà cháu cũng có biết đâu?

- Vâng! Bác nói dễ hiểu lắm!... Nhưng biết vậy sao bác vẫn về? Bác về xem lễ thôi chứ? Xem lễ thì về trước một ngày làm gì ạ?

Lời nói của chị ta chân thành, thật thà quá, thành ra không còn thấy là người xa lạ nữa, tôi muốn bộc bạch tâm tư của mình:

- Biết vậy nhưng bác vẫn về, vì bác hy vọng có ngày hôm nay. Đời bác lúc nào cũng khao khát, ấp ủ tìm được hai niềm hy vọng: Một là tìm lại được gia đình mình, vì bác bị bắt cóc, đem bán làm con nuôi người Mán; hai là hy vọng có ngày hôm nay để gặp lại một người. Vậy nên bác mới tìm về. Niềm hy vọng thứ nhất bác đã tìm thấy rồi, còn niềm hy vọng này nữa. Nếu tìm được là đời bác có thể gọi là trọn vẹn. Một ngày, chứ nhiều ngày bác cũng không quản ngại. Năm mươi năm là mười tám ngàn ngày đấy cháu ạ. Bác đã chờ nó, mong nó mười tám ngàn ngày rồi, nay bỏ ra có một ngày mà đạt được ước vọng của mình thì còn gì sung sướng hơn nữa?...

Nói đến đây, tự dưng tôi không nói được nữa, nước mắt ứa ra. Tôi ngước nhìn lên bầu trời cố che đi nỗi xúc động của mình. Trời tháng sáu vẫn còn trong xanh lắm, nhưng xa xa phía chân trời đã có những đụn mây đùn lên báo hiệu một mùa mưa giông sắp đến... Thấy tôi im lặng, và có lẽ cũng nhận ra sự xúc động của tôi, chị ta nói như động viên:

- Dạ thưa bác! Cháu không thể hiểu được năm mươi năm trước bác là người như thế nào, đã làm gì cho ngày kỷ niệm chiến thắng hôm nay? Nhưng cháu thấy bác là người có tình lắm! Nhất định bác phải là một người tốt! Cháu cầu mong trời phật phù hộ để bác tìm lại được niềm hy vọng của mình.

Tôi ôm hai tay vào mặt nấc lên. Nước mắt rỉ ra kẽ tay ướt đẫm. Chị ta bảo tôi là người tốt! Đời tôi đã có bao nhiêu người khen như vậy rồi, vậy mà đến hôm nay tôi đã là một ông già gần bảy mươi tuổi đầu vẫn chưa được hưởng niềm vui ấy. Hôm nay lại nghe một người bằng tuổi con mình nói thế, cảm động quá nên tôi khóc. Lúc sau trấn tĩnh lại, tôi nói:

- Bác cảm ơn cháu, vì cháu đã có những lời nói tốt đẹp dành cho bác. Nhưng cháu bảo bác là người tốt thì bác không dám nhận, còn là người có tình thì bác nhận. Chỉ có một chữ Tình thôi, vậy mà nó làm cho con người ta buồn vui đau khổ cháu ạ. Tình yêu, tình bạn, tình nghĩa... những thứ tình ấy bác đều đã trải qua. Nhưng còn một thứ Tình nữa, bác đã ấp ủ nó trong lòng năm mươi năm nay; bác trân trọng nó; bác tôn vinh nó; hôm nay bác đem nó về đây vậy mà bác chưa biết gọi nó là tình gì?

- Vậy thưa bác, ý nghĩa của thứ Tình ấy là như thế nào ạ? Bác cứ nói đi, biết đâu có thể *"Trứng khôn hơn vịt"*, cháu lại giúp được bác thì sao?

Thấy chị ta vui vẻ, tôi cũng vui lây, nói:

- Ừ! Cháu nói phải lắm! "*Hậu sinh khả uý*" mà! Lúc nãy cháu có hỏi bác là có quen ai trong số cựu chiến binh về đây dự lễ kỷ niệm không? Đúng là trong đơn vị về giải phóng Phố Ràng bác có quen một người - anh là Đại đội trưởng .

Thế rồi tôi kể cho chị ta nghe về những việc mà tôi đã tham gia, về tình cảm giữa tôi và người Đại đội trưởng ấy; về tình cảm giữa tôi và những cán bộ Việt Minh, về hoạt động ở Lũng Vài. Chị ta nhìn tôi vẻ thán phục, trân trọng nói:

- Thế thì bác cũng là người tham gia làm nên lịch sử rồi còn gì? Thế thì bác cũng là đại biểu về thăm "Chiến trường xưa" rồi! ...

- Không! - Tôi nói như giải thích - Cháu ơi! Không phải thế đâu! Đại biểu như vậy thì nhiều lắm - cả vùng này ngày ấy ai ai cũng ủng hộ bộ đội Cụ Hồ. Ở vùng này này còn có một ông Chánh tổng - ngày ấy gọi là địa chủ kháng chiến. Ông ấy còn mổ trâu, xay thóc nuôi bộ đội. Ông nuôi cả tiểu đội, đại đội trong nhà kia. Còn bác chỉ là một chú liên lạc dẫn đường thôi mà. Hôm nay bác về đây là xem lễ kỷ niệm - ngày ấy với cái tuổi của các bác nó có ý nghĩa lắm. Bác về đây cũng có mục đích là tìm người Đại đội trưởng. Nhưng bác không cắt nghĩa được cái Tình trong lòng bác nó là tình gì? Liệu người Đại đội trưởng ấy trong

lòng có còn cái Tình ấy không? Nó là tình đồng đội, hay là tình đồng chí? Nhưng chắc là không phải rồi vì bác làm sao lại có thể là đồng chí, đồng đội với anh ấy được. Còn là tình anh em ư? Nó cũng mơ hồ lắm... Vậy bác lấy danh nghĩa gì mà tìm anh ấy được?

- Trời ơi! - Chị ta nói và nhìn thẳng vào tôi- sao bác lại cả nghĩ thế? Nông nổi như cháu ấy à, cháu cứ gọi là tình quân dân! *"Quân với dân như cá với nước"* còn gì ạ? Cá không có nước thì cá sống làm sao được? Còn nước không có cá thì... thì nước buồn! Vậy cá với nước phải cần đến nhau chứ. Biết đâu người Đại đội trưởng ấy cũng đang đi tìm bác thì sao?

Tôi thật sự ngỡ ngàng về lời nói vui mà sâu sắc của chị ta. Đúng là vì tôi cả nghĩ mà sinh ra lú lẫn thật. Tình quân dân! Đúng quá rồi. Nó đơn giản mà cao quí biết nhường nào. Quân về thăm chiến trường xưa là để thăm dân - những người đã đùm bọc, che chở giúp đỡ cho mình; dân đi tìm quân là để tri ân những người đã giải phóng cho mình.

Tôi nhìn chị ta và cười theo - chắc nét mặt tôi lúc ấy rạng rỡ lắm! Tôi cầm tay chị và nói:

- Cháu giỏi lắm! Cháu chẳng khác gì một bác sỹ đông y châm cứu! Cháu đã châm đúng vào cái huyệt trong lòng bác rồi. Bác cảm ơn cháu!

Tôi không còn mặc cảm gì nữa, tự tin đi về nhà khách của huyện hỏi thăm tin tức về người Đại đội trưởng. Về

đến nhà khách thì đoàn cựu chiến binh đã đi viếng nghĩa trang liệt sỹ - viếng những người đồng đội đã hy sinh ở trận đánh này. Tôi nhập vào đoàn của huyện ra nghĩa trang. Trên đường đi tôi gặp anh Quý - Bí thư Đảng uỷ Lũng Vài. Thấy tôi, anh hỏi:

- Bác Tiên! Bác cũng đi từ hôm nay à? Tưởng sớm mai dân Lũng Vài mình mới đi? Lúc nãy có một cụ già, người cao lớn, khoảng bảy nhăm tuổi, trong đoàn cựu chiến binh hỏi thăm dân Lũng Vài mình. Cụ đang nhờ cháu tìm giúp cụ một người bây giờ cỡ gần bảy mươi tuổi, người ấy ngày xưa đã dẫn đường cho đơn vị của cụ đánh đồn Phố Ràng. Cụ chỉ nhớ tên có vần tê, có thể là Then, là Thèn, là Tiến, là Tiền gì đấy. Cháu nghĩ: Ông Nguyên và ông Quan thì không phải rồi vì các ông ấy không phải vần tê, mà có còn thì cũng trên tám mươi cả rồi. Tự hào quá bác nhỉ - Lũng Vài mình cũng có người tham gia đánh trận Phố Ràng! Bác có giúp cháu tìm ra những người trạc tuổi của bác có tên như vậy không?

Tôi sung sướng quá! Tôi già rồi, chứ còn trẻ chắc sẽ nhảy cẫng lên mà khóc vì sung sướng. Tôi cố kìm nén xúc động nói:

- Ừ! Có đấy! Có đấy! Để bác nghĩ xem... Nhưng căn bản là họ có nhận ra nhau không? Đã năm mươi năm... họ đã lên ông, lên cụ cả rồi.

Thấy tôi nói vậy, Quý nắm lấy tôi phấn khởi nói:

- Trời! Thế thì vinh dự cho Lũng Vài mình quá rồi bác ơi! Sao từ trước tới nay bác không nói?

Tôi đi gần vào Quý nói nhỏ:

- Từ trước đến nay, đây là lần đầu tiên làm việc này nên cũng chẳng có dịp để nói. Với lại nói làm sao hết được - giải phóng Phố Ràng, Nghĩa Đô, Phố Lu... có hàng trăm, hàng nghìn người dân làm được nhiều việc hơn thế chứ. Những người ấy nếu còn đến ngày hôm nay, bác tin sáng mai cử hành đại lễ nhất định họ cũng sẽ về.

- Thế dân Lũng Vài mình có tham gia đông không bác? Dân mình làm những việc gì ạ?

- Đông! Đông lắm! Làm nhiều việc lắm!... Như làm lán, vận chuyển lương thực, tiếp đạn, cứu thương, thu dọn chiến trường và... và mai táng cho liệt sỹ...

Nghe tôi nói vậy, sự hứng khởi của Quý như bị chùng xuống. Nhưng rồi Quý tiến đến sát tôi nói như phân trần:

- Nhưng làm liên lạc, dẫn đường cho bộ đội thì không phải ai cũng làm được! Để lại ấn tượng sâu sắc với bộ đội, đã năm mươi năm rồi họ vẫn nhớ thì hiếm lắm bác ạ! Bác cố nhớ đi! Cụ mong được gặp người liên lạc ấy lắm.

Nghe Quý nói vậy, cảm giác buồn vui trong tôi trào lên. Bỗng dưng tôi thấy sợ - sợ cho niềm vui sẽ không trọn vẹn thì sao? - Cô gái lúc nãy đã bảo tôi là người cả nghĩ mà. Biết vậy là không tốt, nhưng nó là cái đã cố hữu trong tôi rồi. Tôi nhìn Quý, gật gật:

- Ừ! Ừ! Cũng có thể là thế. Nhưng không thể nói trước được điều gì, khi mà điều đó còn đang ở phía trước; khi mà mình còn chưa nghe thấy, chưa nhìn thấy, thậm chí còn chưa sờ thấy đâu cháu ạ!

- Trời ơi! Sao bác cẩn thận quá thế. Nói như vậy có nghĩa là bác đã biết rồi phải không? Mà chưa biết cụ thể, chỉ biết láng máng thôi bác cũng cứ nói - nói để cho các cụ biết, để xác minh cho người xã mình. Vừa rồi làm khen thưởng cho những người tham gia kháng chiến, trong hồ sơ chưa thấy nói đến trường hợp này. Bây giờ dù người ấy không còn nữa thì vẫn đề nghị truy tặng thành tích bác ạ. Với lại cháu nghĩ việc này là vinh dự lớn lắm! - Năm mươi năm mới có một lần. Sau này chắc sẽ còn rất nhiều lần khác nữa, nhưng như lần này thì chỉ có một thôi. Cụ cựu chiến binh ấy bây giờ là cán bộ cao cấp đã nghỉ hưu. Cụ nói chân tình lắm! Cụ bảo: "Cậu liên lạc ấy người nhỏ, nhưng nhanh nhẹn lắm, tháo vát lắm, gan dạ lắm, giúp bộ đội được nhiều việc lắm..." Cụ khóc, trông thương lắm. Cụ nói: "Lần này không gặp được thì đời cụ có thể không còn có cơ hội thứ hai nữa..."

Nghe Quý nói vậy, nước mắt tôi ứa ra. Tôi cố kìm xúc động bảo:

- Ừ! Cứ đi thắp hương viếng liệt sỹ đã. Ừ! Nói chứ! Nhất định là phải nói rồi. Ừ! Cháu nói phải lắm - không có lần thứ hai như lần này nữa. Bác biết rõ lắm, nhưng bác cũng rất buồn, vì Lũng Vài mình còn có nhiều người cao quý lắm, vậy mà không được chứng kiến ngày hôm nay...

Nói xong, chúng tôi cũng vừa đến nghĩa trang liệt sỹ. Một không khí kính cẩn, trang nghiêm đến lạ kỳ, mắt tôi chưa tận thấy bao giờ. Dọc đường lên nghĩa trang là hai hàng tiêu binh bồng súng. Nhìn thấy các anh, tôi cảm giác như mình có thể sờ nắm được sự bình yên của đất trời! Dẫn đầu là một chiến sỹ cầm lá quân kỳ, thứ đến là hai chiến sỹ nâng vòng hoa. Chân họ bước những bước dài, đều đặn; mắt họ mở căng hướng thẳng lên đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ. Sự trang nghiêm này như một khuôn thước, hàng trăm con người, không ai bảo ai tất cả đều làm như vậy. Không gian yên lặng quá, mặt trời đã tắt và gió không còn thổi nữa!

Những người đi đầu đã đến trước đài tưởng niệm. Tất cả đã dừng lại. Một tiếng hô: "Nghiêm!" Đanh, gọn vang lên. Một người lãnh đạo của huyện bước lên, ông cầm tờ giấy tay run run xúc động nói về lý do buổi viếng nghĩa trang. Giọng ông cũng run run, có lúc lặng đi. Đến câu: Đã năm mươi năm rồi, nay các chiến sỹ tham gia giải phóng vùng Đông Bắc mới có dịp về thăm lại chiến trường xưa; thăm lại những đồng đội của mình đã ngã xuống ở nơi đây, thì ông nghẹn lại. Những giọt nước mắt của ông trào ra lăn trên gò má.

Ông vừa dứt lời thì bản nhạc Hồn tử sỹ cất lên. Bản nhạc như một vật chất thần kỳ luồn vào trí não, thấm vào đến tận đường gân thớ thịt. Tôi rùng mình xúc động, mắt cũng nhoè đi. Mọi người đứng lặng trong phút mặc niệm.

Thời gian như dừng lại. Linh hồn của mỗi con người như hoà quyện với đất trời!

Tôi vừa đi thắp hương, vừa dõi mắt kiếm tìm hình bóng của người Đại đội trưởng năm xưa. Ngày ấy, anh là một thanh niên ngoài hai mươi tuổi, lực lưỡng như một con gấu đứng. Bây giờ anh là ông già đã hơn bảy mươi lăm tuổi, cái dáng ấy còn nữa hay không?

Tôi lướt nhìn một lượt, tất cả các cựu chiến binh, họ đều là những cụ già đã trên bảy mươi tuổi. Họ cầm hương, chậm rãi đi đến từng ngôi mộ. Bỗng có một ông phục lên ngôi mộ vô danh, kêu lên:

- Trời ơi! Các em ơi! Anh có tội với các em rồi!

Mấy chị phụ nữ bên cạnh không cầm được nước mắt, họ xúm vào đỡ cụ. Một chị nói:

- Cụ ơi! Các cụ không có tội gì đâu ạ! Tất cả là do chiến tranh - chiến tranh đã buộc các cụ phải đi đến các chiến trường của Tổ quốc... Cụ ơi! Cụ đứng lên đi!

- Không...! - Cụ già xúc động nói - người có tội là chúng tôi! Các em tôi - đồng đội của tôi đều có tên cả. Vậy mà bây giờ các em tôi, đồng đội của tôi lại thành những chiến sỹ vô danh... Tội này to quá! Lớn quá! Các anh biết sửa thế nào đây các em ơi? Các em có linh thiêng thì về đây chứng kiến tấm lòng của các anh...

Hàng trăm con người chứng kiến sự việc này, họ đều lặng đi vì xúc động. Trên gò má họ chảy dài những giọt

nước ân tình. Tôi chạy lại cùng đỡ cụ già. Cụ đã không lưng, nhưng cụ vẫn cao hơn tôi một cái đầu. Tôi lại nhìn nhanh một lượt, trong đoàn cựu chiến binh này cụ là người cao lớn nhất. Cụ trấn tĩnh lại, vẻ quắc thước cương nghị vẫn là dấu ấn khắc đậm lên con người cụ. Cụ ôm vào vai tôi, tay vừa bóp, vừa day. Tôi thấy êm ái quá. Tôi hiểu được mọi ý nghĩ của cụ qua cái bóp vai ấy. Bỗng tôi thấy rùng mình, đầu gối run run, đất dưới chân như sụt xuống. Tôi chơi vơi như được bay bổng trong một giấc mơ đẹp như thần thoại. Cách đây năm mươi năm, tôi thường được Đại đội trưởng khoác vai đi đường. Anh vừa đi vừa nói chuyện, mỗi khi đến chỗ câu chuyện cần nhấn, anh lại bóp vai tôi như thế. Linh tính mách bảo tôi - đây chính là anh bộ đội Cụ Hồ năm xưa - là người Đại đội trưởng mà tôi yêu, tôi quí, mà tôi đã dẫn đường... Tôi buột miệng khẽ thốt lên:

- Đại đội trưởng!

Cụ già chững lại. Cụ buông tay đẩy tôi ra xa. Cụ nhìn tôi. Nhìn xoáy vào tôi từ đầu đến chân. Cụ nói:

- Em gọi Đại đội trưởng? Đại đội trưởng nào?

- Dạ! Em... Em chợt nhớ đến người Đại đội trưởng chỉ huy đánh trận Phố Ràng.

- Thế em là người ở đâu? - Cụ già hỏi vội vã, hỏi như sợ tôi biến đi cụ không hỏi được nữa.

- Dạ! Em người Lũng Vài!